

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Sông Đà - CTCP;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Sông Đà – CTCP ngày 24 tháng 4 năm 2026 đã được Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua với số phiếu tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông và đại diện ủy quyền có mặt tham dự Đại hội.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2026 phù hợp với thực tế hoạt động SXKD với các nội dung chính như sau:

a. *Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025:*

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025		THỰC HIỆN NĂM 2025		%HTKH NĂM	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	7.450	1.510	8.059	1.799	108	119
2	Doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	6.930	1.506	8.538	1.769	123	117
3	Nộp Nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	550	25	726	30	132	120
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	780	528	2.193	636	281	120
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	725	523	1.984	662	274	127
6	Cổ tức	%		10		12		120

b. *Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026*

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2026	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	8.900	1.800

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2026	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
2	Tổng doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	9.400	1.946
3	Nộp nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	800	30
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	2.415	709
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	2.185	699
6	Cổ tức (dự kiến)	%		12
7	Kế hoạch đầu tư	10 <sup>9</sup> đ	735	530

c. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2026 phù hợp với thực tế hoạt động SXKD.

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát.

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31/12/2025 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Tổng công ty Sông Đà – CTCP tại ngày 31/12/2025:

+ Tổng tài sản:	13.415.904.388.514, đồng
Trong đó: Tài sản ngắn hạn	6.373.384.440.639, đồng
Tài sản dài hạn	7.042.519.947.875, đồng
+ Tổng nguồn vốn:	13.415.904.388.514, đồng
Trong đó: Nợ phải trả	7.521.069.438.124, đồng
Nguồn vốn chủ sở hữu	5.894.834.950.390, đồng
+ Tổng doanh thu	1.768.915.959.726, đồng
+ Lợi nhuận trước thuế	635.663.489.035, đồng
+ Lợi nhuận sau thuế	661.745.908.696, đồng

**Điều 4.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau:

4.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

- a) Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2024: 6.077.338.027, đồng
  - b) Lợi nhuận sau thuế năm 2025: 661.745.908.696, đồng
  - c) Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi:
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (tạm tính): 11.947.000.000, đồng.

- Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty chịu trách nhiệm và rà soát đề trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 3 tháng tiền lương thực hiện năm 2025 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 12% vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ: 4.495.371.120.000, đồng

- Lợi nhuận chia cổ tức: 539.444.534.400, đồng (Năm trăm ba mươi chín tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn, bốn trăm đồng chẵn).

e) Dự kiến lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2025 là 116.431.712.323, đồng.

#### 4.2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2026

a) Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026 và dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh để quyết định mức tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2026.

b) Mức chia cổ tức bằng tiền năm 2026 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027 quyết định.

**Điều 5.** Thông qua quyết toán thù lao của HĐQT, tiền lương và thù lao BKS Tổng công ty Sông Đà năm 2025; kế hoạch thù lao HĐQT, tiền lương và thù lao BKS năm 2026 như sau:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT Sông Đà phê duyệt quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2025; lập, phê duyệt kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2026 đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

**Điều 6.** Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 như sau:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong 04 đơn vị kiểm toán dưới đây thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

**Điều 7.** Thông qua Điều lệ sửa đổi của Tổng công ty Sông Đà (có Điều lệ kèm theo).

**Điều 8.** Điều khoản thi hành:

Giao Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.



Nghị quyết này gồm 04 trang, được lập và thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/4/2026.

Nơi nhận: 

- Các cổ đông;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- SCIC;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Các PTGD;
- Các Ban TCT;
- Lưu VP TCT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**Trần Văn Tuấn**



*Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026*

**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

**A. Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ – CTCP**

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Sông Đà, 493 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội;

Mã số doanh nghiệp: 0100105870.

**B. Thời gian bắt đầu phiên họp: 08 giờ 30 phút ngày 24/4/2026.**

**C. Địa điểm: Hội trường tầng 1, Tòa nhà Sông Đà, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội.**

**D. Thành phần tham dự:**

❖ Các đại biểu khách mời:

- Đại diện đơn vị kiểm toán BTCT năm 2025: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Các Cổ đông của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

**E. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Tổ giúp việc tại Đại hội:**

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu tại Đại hội như sau:

**1. Đoàn Chủ tịch:**

- Ông Trần Văn Tuấn : Chủ tịch HĐQT TCT - Chủ tọa
- Ông Trần Anh Đức : Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc TCT
- Ông Nguyễn Anh Tùng : Thành viên HĐQT TCT

**2. Ban Thư ký được Chủ tọa Đại hội chỉ định như sau:**

- Bà Nguyễn Hồng Vân - Tổ trưởng Tổ thư ký HĐQT TCT- Trưởng ban;
- Ông Nguyễn Việt Lương – Chuyên viên Ban TCKT - Tổ viên;

**3. Ban kiểm phiếu đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% cổ đông có mặt tán thành. Cụ thể như sau:**

- Ông Trần Đức Tân - Giám đốc Ban TCNS - Trưởng ban

- Ông Nguyễn Văn Hiếu - Phó GD Ban CLĐT - Thành viên
- Ông Hà Trí Thức – Chuyên viên Ban kinh tế - Thành viên
- Ông Nguyễn Sơn Hải – Chuyên viên Ban PC&QTRR
- Ông Nguyễn Sỹ Nhuận – Chuyên viên văn phòng

**F. Điều kiện tiến hành Đại hội:**

Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông: Ông Phạm Đức Trọng báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 cụ thể như sau:

- Tổng số cổ đông của Tổng công ty Sông Đà – CTCP là **242** cổ đông đại diện cho **449.537.112** phiếu biểu quyết tương đương tổng số cổ phần sở hữu là **449.537.112** cổ phần, tương ứng 100% vốn điều lệ (theo danh sách chốt ngày 24/3/2026).
- Số lượng Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội tại thời điểm khai mạc (9h00 phút) là **18** cổ đông đại diện cho **448.648.212** phiếu biểu quyết tương đương **448.648.212** cổ phần, đạt **99,8%** trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết là **449.537.112** phiếu tương đương **449.537.112** cổ phần.
- Căn cứ Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

**G. Nội dung phiên họp:**

1. Ban Kiểm phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
2. Nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
3. Quy chế tổ chức đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
4. Đại hội nghe Ông Trần Anh Đức – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2026 phù hợp với thực tế hoạt động SXKD.
5. Đại hội đã nghe ông Nguyễn Văn Thắng – Trưởng Ban Kiểm soát TCT trình bày báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026 và Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.
6. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Anh Tùng – Thành viên HĐQT TCT trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận và kế hoạch năm 2026; Tờ trình thông qua quyết toán thù lao HĐQT, tiền lương, thù lao của BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, tiền lương và thù lao BKS năm 2026; Tờ trình thông qua sửa đổi điều lệ TCT.

7. Thảo luận tại Đại hội: Chủ tọa mời các Cổ đông tham gia ý kiến đối với các báo cáo và tờ trình mà Đoàn Chủ tịch đã trình bày tại đại hội.

8. Các cổ đông thực hiện bỏ phiếu biểu quyết các nội dung báo cáo và tờ trình đã được Đoàn Chủ tịch trình bày.

9. Nội dung thảo luận tại phiên họp: Các cổ đông không có câu hỏi.

#### **H. Các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông:**

Tại thời điểm bỏ phiếu: Tổng số cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự là 19 cổ đông đại diện cho 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 99,8% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết là 449.537.112 phiếu tương đương 449.537.112 cổ phần.

Sau khi xem xét các Tờ trình, Báo cáo và thảo luận các vấn đề liên quan, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP đã nhất trí thông qua với một số các nội dung:

**1. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2026 phù hợp với thực tế hoạt động SXKD với các nội dung chính như sau:**

**a. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025:**

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025		THỰC HIỆN NĂM 2025		%HTKH NĂM	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	7.450	1.510	8.059	1.799	108	119
2	Doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	6.930	1.506	8.538	1.769	123	117
3	Nộp Nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	550	25	726	30	132	120
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	780	528	2.193	636	281	120
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	725	523	1.984	662	274	127
6	Cổ tức	%		10		12		120

**b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:**

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2026	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	8.900	1.800

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2026	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
2	Tổng doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	9.400	1.946
3	Nộp nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	800	30
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	2.415	709
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	2.185	699
6	Cổ tức (dự kiến)	%		12
7	Kế hoạch đầu tư	10 <sup>9</sup> đ	735	530

c. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2026 phù hợp với thực tế hoạt động SXKD.

d. Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2026 phù hợp với thực tế hoạt động SXKD với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội nhất trí tán thành.

## **2. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát.**

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;



- Số phiếu tán thành: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội nhất trí tán thành.

### **3. Thông qua báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán:**

a. Thông qua báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31/12/2025 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY với một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Tổng công ty Sông Đà – CTCP tại ngày 31/12/2025:

+ Tổng tài sản:	13.415.904.388.514, đồng
Trong đó: Tài sản ngắn hạn	6.373.384.440.639, đồng
Tài sản dài hạn	7.042.519.947.875, đồng
+ Tổng nguồn vốn:	13.415.904.388.514, đồng
Trong đó: Nợ phải trả	7.521.069.438.124, đồng
Nguồn vốn chủ sở hữu	5.894.834.950.390, đồng
+ Tổng doanh thu	1.768.915.959.726, đồng
+ Lợi nhuận trước thuế	635.663.489.035, đồng
+ Lợi nhuận sau thuế	661.745.908.696, đồng

b. Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;





- Kết luận: Đại hội thông qua báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội nhất trí tán thành.

#### **4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận:**

##### **4.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:**

- a) Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2024: 6.077.338.027, đồng
- b) Lợi nhuận sau thuế năm 2025: 661.745.908.696, đồng
- c) Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi:
  - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (tạm tính): 11.947.000.000, đồng.
  - Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty chịu trách nhiệm và rà soát đề trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 3 tháng tiền lương thực hiện năm 2025 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- d) Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 12% vốn điều lệ:
  - Vốn điều lệ: 4.495.371.120.000, đồng
  - Lợi nhuận chia cổ tức: 539.444.534.400, đồng (Năm trăm ba mươi chín tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn, bốn trăm đồng chẵn).
- e) Dự kiến lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2025 là 116.431.712.323, đồng.

##### **4.2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2026:**

- a) Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026 và dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh để quyết định mức tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2026.
- b) Mức chia cổ tức bằng tiền năm 2026 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027 quyết định.

##### **4.3. Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:**

- Số phiếu hợp lệ: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua Phương án phân phối lợi nhuận với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội nhất trí tán thành.

**5. Thông qua quyết toán thù lao của HĐQT, tiền lương và thù lao của BKS năm 2025 và kế hoạch thù lao HĐQT, tiền lương và thù lao BKS năm 2026 như sau:**

a) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT Sông Đà phê duyệt quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2025; lập, phê duyệt kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2026 đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

b) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu tán thành: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Kết luận: Đại hội thông qua quyết toán thù lao của HĐQT, tiền lương, thù lao năm 2025 của BKS Tổng công ty Sông Đà và kế hoạch thù lao HĐQT, kế hoạch tiền lương, thù lao BKS năm 2026 với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội nhất trí tán thành.

**6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:**

a) Ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn một trong 04 đơn vị kiểm toán dưới đây thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026:

– Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;

– Công ty TNHH Kiểm toán VACO;

– Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;

– Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

b) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội nhất trí tán thành.

#### **7. Sửa đổi Điều lệ của Tổng công ty Sông Đà:**

- a) Thông qua Điều lệ sửa đổi của Tổng công ty Sông (có Điều lệ kèm theo).
- b) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:
  - Số phiếu hợp lệ: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
  - Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
  - Số phiếu tán thành: 448.649.612 phiếu biểu quyết tương đương 448.649.612 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
  - Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
  - Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
  - Kết luận: Đại hội thông qua sửa đổi Điều lệ của Tổng công ty Sông Đà với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại đại hội nhất trí tán thành.

**8.** Đại hội đã nhất trí thông qua Biên bản đại hội và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP kết thúc vào hồi 11h30 cùng ngày.



Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP được lập thành văn bản, công bố toàn văn trên website của Tổng công ty Sông Đà – CTCP ([www.songda.vn](http://www.songda.vn)) để thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật.

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

1. Bà Nguyễn Hồng Vân:.....

2. Ông Nguyễn Việt Lương: .....



**Trần Văn Tuấn**







**TỔNG CÔNG TY  
SÔNG ĐÀ-CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

**CHƯƠNG TRÌNH TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ – CTCP**

Địa điểm: Tòa nhà Sông Đà, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, Hà Nội

Thời gian tổ chức: 08h30 ngày 24/04/2026

TT	Thời gian	Nội dung
1	08h30 09h00	- Đón tiếp đại biểu, Cổ đông.
		- Kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự.
		- Phát tài liệu, thẻ biểu quyết cho Cổ đông.
2	09h00	- Ổn định tổ chức chuẩn bị Đại hội
		- Giới thiệu đại biểu đến dự Đại hội.
		- Khai mạc Đại hội
		- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định của pháp luật.
3		- Giới thiệu và thông qua Đoàn chủ tọa.
		- Giới thiệu Ban Thư ký Đại hội.
		- Bầu Ban kiểm phiếu
4		- Thông qua:
		+ Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
		+ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông.
5		<b>Thông qua các Báo cáo, Tờ trình trình ĐHĐCĐ</b>
		- Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2025, Kết quả thực hiện SXKD năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026 và ủy quyền cho HĐQT TCT điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2026 cho phù hợp với tình hình thực tế của SXKD.



TT	Thời gian	Nội dung
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026.</li> <li>- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán</li> <li>- Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025</li> <li>- Tờ trình thông qua Quyết toán thù lao HĐQT và tiền lương, thù lao Ban Kiểm soát năm 2025; Kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao Ban Kiểm soát năm 2026.</li> <li>- Tờ trình thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.</li> <li>- Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ Tổng công ty Sông Đà – CTCP.</li> </ul>
6		- Phát biểu của lãnh đạo SCIC
7		<p style="text-align: center;"><b>Thảo luận &amp; Biểu quyết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu thảo luận các nội dung trong Báo cáo và Tờ trình trên.</li> <li>- Đề nghị biểu quyết thông qua các nội dung trong Báo cáo và Tờ trình.</li> </ul>
8		- Nghi giải lao
9		- Trình bày Biên bản kiểm phiếu biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông.
10	11h40	<p style="text-align: center;"><b>Bế mạc Đại hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.</li> <li>- Bế mạc Đại hội</li> </ul>

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

**Chương I:**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (gọi tắt là Đại hội) của Tổng Công ty Sông Đà – CTCP.
2. Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức Đại hội, quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Chương II:**

**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

**Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông**

**1. Điều kiện tham dự Đại hội:**

Tất cả các cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được người đại diện của tổ chức sở hữu cổ phần Tổng Công ty Sông Đà – CTCP ủy quyền tham dự họp (theo danh sách cổ đông của Tổng công ty do Trung tâm Lưu ký chứng khoán chốt ngày 24/03/2026).

**2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:**

a) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp;
- Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu;
- Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm thông báo mời họp Đại hội (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Đăng ký tham dự Đại hội:

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu Đại hội, 01 thẻ biểu quyết (01 thẻ xanh da trời), 01 phiếu biểu quyết (01 phiếu màu trắng) trong đó:



- Thẻ biểu quyết màu xanh da trời (Bao gồm các nội dung: Mã số cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (Sở hữu và/hoặc được ủy quyền);

- Phiếu biểu quyết màu trắng (Bao gồm các nội dung: Mã số cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (Sở hữu và/hoặc được ủy quyền); Các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến);

c) Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

d) Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban thư ký.

đ) Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp.

e) Tại Đại hội, các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo, tờ trình về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng nội dung bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết hoặc bằng hình thức bỏ Phiếu biểu quyết.

g) Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, có trang phục lịch sự, không đội mũ, không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

h) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền dự Đại hội đến muộn, có quyền đăng ký dự Đại hội, ngay sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông hoặc người đại diện cổ đông đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã biểu quyết sẽ không bị ảnh hưởng.

i) Các cổ đông phải thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép. Tự túc về các chi phí để tham dự Đại hội (như phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi...).

### **Điều 3. Chủ tọa đại hội**

1. Đoàn Chủ tịch Đại hội có số thành viên không quá 05 người gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, có chức năng điều khiển Đại hội. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty làm Chủ tọa Đại hội.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội:



a) Chủ trì, điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra một cách hợp thức và có trật tự đảm bảo hoàn thành nội dung chương trình Đại hội đề ra.

b) Chỉ định Ban Thư ký Đại hội.

c) Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

d) Hướng dẫn các cổ đông / đại diện cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự, quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội.

e) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

f) Trả lời những vấn đề do cổ đông/ đại diện cổ đông yêu cầu.

g) Bất cứ lúc nào Chủ tọa có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác tại một địa điểm khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 và Điều lệ Tổng công ty Sông Đà – CTCP) mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

#### **Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội**

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội (sau đây gọi tắt là Ban kiểm tra tư cách cổ đông) gồm 05 thành viên do Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà – CTCP chỉ định. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến họp dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình: kiểm tra Thẻ căn cước, Hộ chiếu, Thư mời họp, Giấy ủy quyền và các tài liệu kèm theo (nếu có); Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu của Đại hội; Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội; chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

#### **Điều 5. Ban thư ký Đại hội**

1. Ban thư ký gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên do Chủ tọa Đại hội cử. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Chủ tọa.



2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Giúp Chủ tọa Đại hội kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết).

b) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

d) Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của các cổ đông, chuyển Chủ tọa quyết định.

e) Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu**

1. Ban Kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết; Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội và xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;

b) Nhanh chóng tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung đề Chủ tọa thông báo trước Đại hội;

c) Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến trình tự bỏ phiếu, hướng dẫn ghi phiếu;

d) Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;

e) Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại biên bản và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội và chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

## **Chương III:**

### **TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

#### **Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

#### **Điều 8. Cách thức thảo luận và tiến hành biểu quyết**



## 1. Nguyên tắc

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các nội dung trong chương trình Đại hội cổ đông;
- Cổ đông có ý kiến thảo luận đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa;
- Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Cách thức biểu quyết: Các nội dung biểu quyết trong chương trình Đại hội thực hiện theo quyết định của Chủ tọa với hình thức phù hợp với diễn biến Đại hội, cụ thể:

### a) Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu:

- Việc biểu quyết các nội dung hợp sẽ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín. Các nội dung biểu quyết được ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông/Đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án (Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến) vào từng nội dung cần lấy ý kiến (cổ đông/Đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải ký tên vào Phiếu biểu quyết).

- Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

+ Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến.

+ Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.

- Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:

+ Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của Tổng công ty;

+ Phiếu bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;

+ Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ.

+ Không có chữ ký của cổ đông/Đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Thẻ biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.



- Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Thẻ biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại Thẻ biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

b) Biểu quyết trực tiếp: Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại Mục a Khoản 2 Điều 8 trên đây. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu (Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến) để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

### 3. Thẻ lệ biểu quyết:

a. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

b. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Tổng công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

c. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của Tổng công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành.

d. Trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 3 của Điều này, còn lại các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành.

### **Điều 9. Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu**

- Tổ chức kiểm phiếu: việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu không gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết.

- Công bố kết quả kiểm phiếu: Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành, Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

### **Điều 10. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**



1. Ngoại trừ các vấn đề nêu tại Điều 10.2, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
- đ) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

#### **Điều 11. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội lưu giữ tại Tổng công ty.

### **Chương IV:**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 12. Điều khoản thi hành**

Quy chế này gồm có 4 Chương 12 Điều có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Ban chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ của Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Tuấn**

Số: 01 /TCT-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**(Về hoạt động của HĐQT năm 2025, kết quả thực hiện**  
**SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Sông Đà-CTCP (Tổng công ty) theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) cũng như kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của ĐHĐCĐ giao, HĐQT Tổng công ty báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2025; Kết quả thực hiện SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 của Tổng công ty như sau:

**A. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025**

**I. Cơ cấu của HĐQT:**

Hội đồng quản trị TCT Sông Đà có 05 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch và 04 thành viên HĐQT gồm:

- Ông Trần Văn Tuấn – Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Anh Đức – Thành viên HĐQT kiêm TGD TCT
- Ông Nguyễn Anh Tùng – Thành viên HĐQT
- Ông Lê Văn Tuấn – Thành viên HĐQT
- Ông Đặng Quốc Bảo – Thành viên HĐQT

**II. Kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2025:**

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà đã thực hiện đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định trong điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:

1. Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 24/5/2025.

2. Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 bao gồm:

a) Hoạt động của Hội đồng quản trị:





Hội đồng quản trị đã họp định kỳ hàng quý và ban hành các Nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền và đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Số phiên họp thường kỳ: 04 phiên
- Số phiên họp để giải quyết các hoạt động SXKD: 10 phiên
- Số nghị quyết/quyết định ban hành: 105

b) Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 bao gồm:

- Triển khai kế hoạch SXKD năm 2025
- Chỉ đạo tổ chức công tác đấu thầu.
- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án.
- Chỉ đạo công tác sắp xếp và tinh gọn bộ máy tại Công ty Mẹ - Tổng công ty.
- Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty theo mô hình Công ty cổ phần.
- Chỉ đạo, giám sát việc tổ chức thi công các dự án trọng điểm đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả dự án.
- Giám sát chỉ đạo việc thu hồi công nợ, cơ cấu nợ.
- Chỉ đạo thực hiện công tác thoái vốn của Tổng công ty tại các đơn vị
- Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định nội bộ của Công ty, thỏa ước lao động tập thể;
- Chỉ đạo và giám sát các nội dung khác liên quan đến trách nhiệm của HĐQT theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

3. Kết quả thực hiện SXKD năm 2025: Chi tiết tại Mục B dưới đây

### **III. Công tác quản trị Công ty**

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, trong năm qua HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, thực hiện đầy đủ công tác báo cáo định kỳ, công bố thông tin theo quy định; thông qua các vấn đề thuộc quyền hạn, trách nhiệm của mình. Duy trì thường xuyên các phiên họp định kỳ và các phiên họp khác theo yêu cầu. Các thành viên HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc điều hành nhằm có sự thống nhất chung phương thức lãnh đạo, công tác tổ chức cán bộ, công tác sản xuất kinh doanh...để các hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Tổng công ty.





Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thường xuyên cập nhật các quy định mới của pháp luật về quản trị công ty đại chúng cũng như các quy định khác có liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và nâng cao chất lượng quản trị của bộ máy quản lý nhà nước.

## **B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2025.**

### **1. Về thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:**

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025		THỰC HIỆN NĂM 2025		%HTKH NĂM	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	7.450	1.510	8.059	1.799	108	119
2	Doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	6.930	1.506	8.538	1.769	123	117
3	Nộp Nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	550	25	726	30	132	120
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	780	528	2.193	636	281	120
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	725	523	1.984	662	274	127
6	Cổ tức	%		10		12		120

### **2. Đánh giá chung:**

Năm 2025, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng TCT đã tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2025 được ĐHĐCĐ thông qua, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận; Hoàn thành chi trả cổ tức năm 2024 của Tổng công ty với tỷ lệ cổ tức 10%.

- Công tác thi công: Cơ bản đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng tại các công trình theo hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư. Khởi công thủy điện tích năng Bác Ái vào ngày 22/02/2025, thủy điện Trị An mở rộng vào ngày 19/8/2025, gói thầu gia cố hạ lưu Thủy điện Tuyên Quang (11/2025); Hoàn thành đường dây 500kV Lào Cai – Vĩnh Yên (công trình trọng điểm quốc gia) đúng kế hoạch.

- Công tác thu vốn, thu hồi các khoản nợ, thu cổ tức: Tiền về tài khoản năm 2025 toàn TCT khoảng 7.640 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ là 1.746 tỷ đồng.

- Về quyết toán vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần: Hoàn thành trình Bộ Xây dựng ngày 09/6/2025.





- Công tác kinh doanh cho thuê văn phòng (Tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình): Đã ký hợp đồng mới và gia hạn hợp đồng trong năm 2025 là 13.131m<sup>2</sup>. Tỷ lệ lấp đầy trung bình đạt 86%.

- Công tác quản lý vận hành các nhà máy điện: Đã vận hành an toàn qua mùa mưa bão lớn “bất thường” của năm 2025; Sản lượng điện 2.301 triệu kWh, đạt 128%KHN.

- Công tác tiếp thị đấu thầu:

- + Trong năm 2025 toàn Tổng công ty đã trúng thầu với tổng giá trị 3.900 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ trúng thầu 1.581 tỷ đồng, tại thủy điện tích năng Bắc Ái, TĐ Trị An mở rộng và TĐ Tuyên Quang (gia cố hạ lưu).

- + Dự án đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải phòng: Sông Đà đã cùng với các đối tác tích cực chuẩn bị các điều kiện, nghiên cứu, học hỏi các dự án tại Trung Quốc; Đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đề xuất tham gia thi công Dự án.

- Công tác đầu tư:

- + Dự án thủy điện Xekaman 4: Dự án thủy điện Xekaman 4: Ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng mua bán điện cho Dự án; đang đàm phán CA với Chính phủ Lào.

- + Dự án thủy điện Ngọc Tem: Hoàn thành điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án tháng 6/2025; Thực hiện các thủ tục để động thổ vào 30/12/2025.

- + Công tác nghiên cứu đầu tư: 10 dự án điện đã được bổ sung vào quy hoạch điện quốc gia và quy hoạch Tỉnh, tổng công suất 434MW.

- Công tác tổ chức, đào tạo:

- + Hoàn thành phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh lãnh đạo quản lý của Tổng công ty giai đoạn 2021-2026.

- + Phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án sắp xếp và tinh gọn bộ máy tại Công ty Mẹ - Tổng công ty

- + Đã tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho Lãnh đạo và CBCNV của Tổng công ty theo kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty mẹ - TCT và thông qua nội dung Đại hội và chỉ đạo các đơn vị tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo kế hoạch đề ra.

- Công tác chuyển đổi số của Tổng công ty: Hoàn thành đưa vào sử dụng phần mềm quản lý công việc phục vụ công tác điều hành của TCT; Đơn vị tư vấn chuyển đổi số đã báo cáo dự thảo đề án Chiến lược chuyển đổi số cho TCT





Sông Đà giai đoạn 2025-2027.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi các qui chế, qui định phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành của Nhà nước.

- Thực hiện công khai thông tin của Tổng công ty theo quy định.

### **3. Công tác quản lý kỹ thuật**

- Công tác thi công xây lắp tại các công trường cơ bản đáp ứng yêu cầu về tiến độ, đảm bảo chất lượng và an toàn; các đơn vị sản xuất điện vận hành an toàn, hiệu quả.

- Công tác quản lý vận hành Tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình đảm bảo an toàn, tiện ích đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Hoàn thành thi công và nghiệm thu bổ sung về PCCC của tòa nhà theo thiết kế được Cơ quan chức năng thẩm duyệt; Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các hạng mục kỹ thuật năm 2025.

- Hoàn thành đánh giá duy trì chứng nhận cho Hệ thống quản lý tích hợp (ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018).

### **4. Công tác tài chính tín dụng và tái cấu trúc doanh nghiệp**

- Về quyết toán vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần: Hoàn thành trình Bộ Xây dựng ngày 09/6/2025 (Bộ Xây dựng đã phê duyệt ngày 03/3/2026).

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty mẹ - TCT vào ngày 25/4/2025; Xem xét, thông qua báo cáo Người đại diện phần vốn trình tài liệu Đại hội đồng cổ đông các đơn vị; Chỉ đạo các đơn vị thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo quy định.

- Tăng cường công tác thu vốn, thu hồi các khoản nợ, thu cổ tức; Làm việc với Sở Pán 2, Điện Việt Lào, Licogi về thu hồi nợ.

- Làm việc với Bộ Tài chính và Ngân hàng phát triển Việt Nam về điều chỉnh hạch toán và thu nợ phạt chậm trả khoản vay ADB. Phối hợp với Xi măng Hạ Long làm việc với Bộ Tài chính về khoản vay NIB, Quỹ tích lũy.

- Hoàn thành chi trả cổ tức năm 2024 của Tổng công ty (10%) theo đúng thời gian quy định.

- Hoàn thành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024, báo cáo tài chính bán niên năm 2025 toàn TCT và công ty Mẹ; Hoàn thành lập báo cáo thường niên năm 2024; Công khai thông tin theo quy định.

### **5. Công tác chiến lược đầu tư**

- Hoàn thành việc rà soát báo cáo tình hình thực hiện năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025 của Tổng công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty thông qua. Xây dựng kế hoạch định kỳ theo





quy định; Xem xét thông qua kế hoạch SXKD năm 2025 các đơn vị, đồng thời đôn đốc các đơn vị đẩy mạnh SXKD nhằm hoàn thành kế hoạch năm 2025 đã đề ra.

- Báo cáo SCIC về tình hình triển khai Đề án tái cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà giai đoạn 2023-2028.

- Dự án thủy điện Xekaman 4: Bộ Công Thương đã phê duyệt chủ trương nhập khẩu điện và phương án đấu nối; Ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng mua bán điện cho Dự án; Đang đàm phán CA với Chính phủ Lào.

- Dự án thủy điện Ngọc Tem: Hoàn thành điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án tháng 6/2025; Thực hiện các thủ tục để động thổ dự án vào 30/12/2025.

- Công tác nghiên cứu đầu tư: 10 dự án điện đã được bổ sung vào quy hoạch điện quốc gia và quy hoạch Tỉnh, tổng công suất 434MW; Một số dự án đang trình bổ sung quy hoạch Tỉnh.

- Nghiên cứu cơ hội đầu tư Các dự án điện mặt trời tại Khánh Hòa: Đã làm việc với Tỉnh và một số sở ngành liên quan, đơn vị tư vấn triển khai nghiên cứu, đánh giá để đề xuất một số dự án bổ sung vào quy hoạch.

- Nghiên cứu cơ hội đầu tư một số dự án nhà ở xã hội tại Hà Nội; Dự án đường cao tốc Bắc Nam phía Tây (CT.02) đoạn Ba Vì – Phú Thọ.

- Công tác chuyển đổi số: Hoàn thành đưa vào sử dụng phần mềm quản lý công việc phục vụ công tác điều hành của TCT.

## **6. Công tác kinh tế**

- Hoàn thành giải quyết các nội dung liên quan đến JV theo thỏa thuận hòa giải với Chủ đầu tư về dự án thủy điện Namtheun 1.

- Hoàn thành quyết toán hợp đồng BOT Dự án hầm đường bộ qua đèo Ngang với Cục đường bộ Việt Nam.

- Cơ bản hoàn thành quyết toán với Chủ đầu tư dự án Thủy điện Yaly mở rộng; Làm việc và thống nhất với Chủ đầu tư về biên bản quyết toán tổng thể dự án thủy điện Bản Vẽ.

- Thủy điện Xekaman 1: Tư vấn Ucrin đã xuất bản dự toán lần 1; Đã báo cáo về phương án quyết toán. Hoàn thành ký hợp đồng với Tư vấn Sông Đà lập bộ định mức đơn giá còn thiếu tại thủy điện Xekaman 3.

- Hoàn thành ký Hợp đồng với Chủ đầu tư và đơn vị thi công thủy điện Bác Ái, Trị An mở rộng.

- Hoàn thành phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2024; Kế hoạch tiền lương năm 2025.

- Hoàn thành ký hợp đồng gia hạn hợp đồng với nhà thầu quản lý vận





hành tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình; phê duyệt kịp thời các dự toán phục vụ công tác quản lý vận hành, sửa chữa Tòa nhà đảm bảo công tác kinh doanh tại tòa nhà Sông Đà - Mỹ Đình; Phê duyệt dự toán thi công cải tạo một số các hạng mục tại nhà G10.

### **7. Công tác kinh doanh cho thuê nhà**

Đã tập trung đẩy mạnh công tác kinh doanh, hiện nay tỷ lệ lấp đầy khoảng 86% diện tích. Công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng được đảm bảo.

### **8. Công tác tiếp thị đấu thầu**

- Năm 2025, toàn Tổng công ty trúng thầu với giá trị khoảng 3.900 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ TCT là 1.581 tỷ đồng, tại TĐ tích năng Bắc Ái, TĐ Trị An mở rộng và TĐ Tuyên Quang (gia cố hạ lưu).

- Tích cực chuẩn bị các điều kiện để tham gia Dự án đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải phòng, đã cùng với các đối tác báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đề xuất tham gia thi công Dự án.

### **9. Công tác tổ chức nhân sự**

- Hoàn thành phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh lãnh đạo quản lý của Tổng công ty giai đoạn 2021-2026.

- Hoàn thành công tác cán bộ nhiệm kỳ 2025-2030 tại Sông Đà 5, Sông Đà 12, Tư vấn Sông Đà; Công tác cán bộ tại Sông Đà 4, Sông Đà 5, Sông Đà 11, Sê San 3A, Nậm Chiến. Thực hiện bổ nhiệm lại Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự, bổ nhiệm Giám đốc Ban Chiến lược Đầu tư, công tác cán bộ tại Văn phòng TCT.

- Phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án sắp xếp và tinh gọn bộ máy tại Công ty Mẹ - Tổng công ty

- Phê duyệt đánh giá Người đại diện phần vốn của TCT tại các đơn vị năm 2023.

- Đã tổ chức các lớp đào tạo: Ứng dụng AI nâng cao hiệu suất công việc; Tin học văn phòng và ứng dụng; Cập nhật kiến thức quản trị dành cho lãnh đạo; Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về Đấu thầu, Đấu thầu qua mạng, lễ tân văn phòng chuyên nghiệp,... theo kế hoạch.

- Đã phê duyệt Quy chế Phân cấp, quản lý công tác tổ chức, cán bộ của Tổng công ty Sông Đà – CTCP. Trình phê duyệt Quy định về hệ thống thang lương, bảng lương Công ty mẹ.



## 10. Công tác pháp chế và quản trị rủi ro

- Thực hiện công tác thẩm định pháp lý liên quan hoạt động của TCT.
- Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến Tổng công ty, hỗ trợ pháp lý các đơn vị.
- Rà soát, sửa đổi các qui chế, qui định phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành và của SCIC.

## C.NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2026.

### I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

Năm 2026, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà-CTCP có những thuận lợi và khó khăn chính như sau:

#### 1. Thuận lợi:

- Chủ trương tăng trưởng GDP từ 10% trở lên trong giai đoạn 2026 -2030, nhằm đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, sẽ mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp.
- Chủ trương đổi mới cơ chế, chính sách đối với Doanh nghiệp Nhà nước, nhằm tạo ra những động lực mới, đây là yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Với bề dày 65 năm xây dựng và phát triển của TCT Sông Đà và năng lực thi công của các đơn vị thành viên là một lợi thế trong đấu thầu và tiếp thị tìm kiếm việc làm.
- Tình hình tài chính của Tổng công ty được ổn định, tạo cơ hội để Tổng công ty nghiên cứu đầu tư, mở rộng SXKD.

#### 2. Khó khăn:

- Một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp vẫn còn gặp khó khăn.
- Tại một số công trình Chủ đầu tư vẫn chưa thu xếp đủ vốn để thanh toán dẫn đến giá trị dở dang, công nợ còn lớn, gây khó khăn về tài chính và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động SXKD của doanh nghiệp.
- Cạnh tranh và yêu cầu thích ứng với điều kiện mới trong hoạt động xây lắp là rất lớn (tiến độ, chất lượng và hiệu quả).
- Quy mô vốn của Tổng công ty và các đơn vị còn hạn chế, việc phát triển các dự án đầu tư, tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư gặp khó khăn.
- Biến động chính trị thế giới trong đó có tình hình căng thẳng tại Trung Đông làm giá xăng dầu trong nước tăng và biến động mạnh làm tăng chi phí tại các công trình Tổng công ty và các đơn vị đang thi công, ảnh hưởng đến hiệu





quả của các hợp đồng đã ký.

- Năm 2026 được dự báo sẽ xuất hiện Elnino, hạn hán có thể xảy ra làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động, hiệu quả của các nhà máy thủy điện.

- Lãi suất vay vốn năm 2026 có xu hướng tăng cao hơn năm 2025, làm tăng chi phí tài chính của doanh nghiệp.

## II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2026	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	8.900	1.800
2	Tổng doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	9.400	1.946
3	Nộp nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	800	30
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	2.415	709
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	2.185	699
6	Cổ tức (dự kiến)	%		12
7	Kế hoạch đầu tư	10 <sup>9</sup> đ	735	530

## III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tập trung triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2026 của Tổng công ty.

2. Chỉ đạo các nhà máy điện vận hành an toàn, hiệu quả.

3. Đảm bảo mục tiêu, tiến độ, chất lượng và an toàn các công trình xây dựng.

4. Chỉ đạo có hiệu quả công tác nghiệm thu, quyết toán, thu vốn, thu hồi các khoản nợ, thu cổ tức.

5. Tập trung tiếp thị đấu thầu, phấn đấu toàn Tổng công ty trúng thầu với giá trị khoảng 6.000 tỷ đồng.

6. Dự án thủy điện Xekaman 4: ký Hợp đồng nhượng quyền (CA) với Chính phủ Lào, hoàn thành các thủ tục pháp lý để khởi công trong năm 2026. Hoàn thành các thủ tục pháp lý theo quy định để triển khai đầu tư dự án thủy điện Ngọc Tem; Triển khai thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án điện đã có quy hoạch theo các quy trình, thủ tục quy định, phấn đấu khởi công một số dự án khi đủ điều kiện; Tiếp tục thực hiện công tác bổ sung quy hoạch các dự án đang nghiên cứu đề xuất; Tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án trong các lĩnh vực thủy điện, năng lượng tái tạo, sản xuất công nghiệp, khu công nghiệp, nhà ở xã hội, và một số dự án hiệu quả khác.



7. Chỉ đạo công tác kinh doanh cho thuê văn phòng (Tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình), phấn đấu tỷ lệ lấp đầy trên 90%.

8. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty đúng quy định. Thông qua các nội dung để các đơn vị chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

9. Thực hiện công tác chuyển đổi số của Tổng công ty.

10. Rà soát, sửa đổi các qui chế, qui định phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành và của SCIC.

#### **IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

##### **1. Công tác quản lý kỹ thuật**

- Chỉ đạo các đơn vị thi công tại các công trình trọng điểm bám sát mục tiêu, nhiệm vụ để tập trung lực lượng thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn; các nhà máy điện vận hành an toàn và hiệu quả.

- Quản lý vận hành Tòa nhà Sông Đà - Mỹ Đình: Thực hiện tốt công tác quản lý vận hành tòa nhà; Hoàn thành các công việc nghiệm thu tổng thể về PCCC tòa nhà theo thiết kế điều chỉnh đã được thẩm duyệt; Thực hiện bảo trì bảo dưỡng định kỳ các hạng mục kỹ thuật năm 2026 theo kế hoạch.

- Chỉ đạo tổ chức huấn luyện cho người sử dụng lao động, người lao động trong toàn Tổng công ty; Thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão và phòng chống cháy nổ tại các công trường, nhà máy của Tổng công ty.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện các công việc phục vụ cho công tác đánh giá duy trì chứng nhận cho Hệ thống quản lý tích hợp (ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018).

##### **2. Công tác tài chính tín dụng và tái cấu trúc doanh nghiệp**

- Hoàn thành các thủ tục bàn giao vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần (Ngày 03/3/2026, Bộ Xây dựng đã ký quyết định phê duyệt).

- Phê duyệt kế hoạch thoái vốn một số khoản đầu tư; Tổ chức triển khai thực hiện thoái vốn theo kế hoạch đảm bảo hiệu quả.

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả công tác thu vốn, thu hồi công nợ. Cân đối đủ vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và trả nợ năm 2026 của Công ty Mẹ đúng hạn.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty đúng quy định. Thông qua các nội dung Đại hội để các đơn vị chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

- Chỉ đạo làm việc với XMHL, Việt Lào, Sử Pán 2, Licogi về kế hoạch trả các khoản nợ.





- Chỉ đạo hoàn thành việc lập báo cáo tài chính năm 2025, báo cáo quý, báo cáo bán niên năm 2026 theo quy định.
- Chỉ đạo làm việc với Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính về giảm lãi Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.
- Thực hiện công khai thông tin của Tổng công ty theo đúng quy định.

### **3. Công tác chiến lược đầu tư**

- Chỉ đạo xây dựng đầy đủ, kịp thời các báo cáo kế hoạch định kỳ theo quy định phục vụ công tác quản trị và điều hành SXKD nhằm hoàn thành các chỉ tiêu ĐHCĐ thông qua.
- Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thúc đẩy SXKD và có giải pháp hoàn thành kế hoạch năm 2026.
- Kế hoạch đầu tư năm 2026 toàn Tổng công ty 735 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ 530 tỷ đồng.
- Dự án thủy điện Xekaman 4: ký Hợp đồng nhượng quyền (CA) với Chính phủ Lào, hoàn thành các thủ tục pháp lý để khởi công trong năm 2026; Hoàn thành các thủ tục pháp lý theo quy định để triển khai đầu tư dự án TĐ Ngọc Tem.
- Tham gia đấu thầu Nhà đầu tư Dự án điện mặt trời tại tỉnh Khánh Hoà, ĐMT Mường La 4, ĐMT nổi Cần Đơn, ĐMT nổi Pake,... Tiếp tục thực hiện công tác bổ sung quy hoạch tỉnh các dự án: Mở rộng TĐ Cần Đơn; ĐMT nổi Cần Đơn (GĐ1), ĐMT Sê San 3A. Bổ sung quy hoạch tỉnh và điều chỉnh thực hiện dự án mở rộng TĐ Sê San 3A vào giai đoạn 2026-2030.
- Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án thuộc các lĩnh vực thủy điện, năng lượng tái tạo, sản xuất công nghiệp, khu công nghiệp/ cụm công nghiệp, giao thông theo hình thức PPP và các dự án hiệu quả khác; Chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị tăng cường nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án, triển khai các dự án đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

### **4. Công tác kinh tế**

- Chỉ đạo hoàn thành quyết toán, thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư các dự án thủy điện Xekaman 1, Xekaman 3, Yaly mở rộng
- Chỉ đạo hoàn thành quyết toán với các đơn vị thi công các dự án: Đồng Nai 5, Huội Quảng, Lai Châu, Hòa Na, Nậm Chiến, Xekaman 1, Tuyên Quang, Đường Hồ Chí Minh, Nhà Quốc Hội, Ialy mở rộng.
- Chỉ đạo làm việc với Cục đường bộ Việt Nam tiếp tục rà soát phê duyệt hiệu chỉnh quyết toán vốn đầu tư Dự án BOT Quốc lộ 1A đoạn tránh TP Hà Tĩnh.



- Chỉ đạo các đơn vị rà soát giấy phép hoạt động điện lực, hợp đồng mua bán điện để thực hiện điều chỉnh nhằm đảm bảo các nhà máy hoạt động liên tục, đảm bảo hiệu quả dự án.

- Chỉ đạo phê duyệt kịp thời các dự toán phục vụ công tác quản lý vận hành, sửa chữa tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình đảm bảo công tác kinh doanh tòa nhà.

- Phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2025 và kế hoạch tiền lương năm 2026. Hoàn thành thuê đơn vị tư vấn xây dựng quy chế lương, trình duyệt và Ban hành qui chế tiền lương cơ quan công ty Mẹ.

### **5. Công tác kinh doanh cho thuê nhà**

- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng thuê văn phòng tại Tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình, phần đầu tỷ lệ lấp đầy đạt trên 90%.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông và tiếp thị trên các phương tiện thông tin đại chúng; Thực hiện tốt công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng tại tòa nhà.

### **6. Công tác tiếp thị đấu thầu**

- Triển khai công tác đấu thầu theo kế hoạch, phần đầu toàn Tổng công ty trúng thầu khoảng 6.000 tỷ đồng.

- Tập trung tiếp thị đấu thầu các gói thầu Dự án Đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải phòng, các dự án năng lượng, hạ tầng khu công nghiệp, giao thông, thủy lợi và công trình đường dây trạm biến áp; Các dự án thủy điện, hạ tầng tại CHDCND Lào và một số dự án tại các nước trong khu vực như Nepal, Ấn Độ...

- Tiếp tục củng cố, xây dựng bộ máy làm công tác tiếp thị đấu thầu từ Tổng công ty đến các đơn vị để tham gia đấu thầu các dự án, công trình theo kế hoạch tiếp thị đấu thầu được duyệt và đạt kết quả cao.

### **7. Công tác tổ chức nhân sự**

- Chỉ đạo thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2026-2031

- Phê duyệt kết quả đánh giá Người đại diện phần vốn của TCT tại các công ty con, công ty liên kết năm 2025.

- Rà soát cử và giao lại phần vốn đối với Người đại diện phần vốn của TCT Sông Đà tại các Công ty con, Công ty liên kết phục vụ Đại hội đồng cổ đông năm 2026; Ký hợp đồng trách nhiệm đối với người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết (thay đổi trong năm 2026).

- Chỉ đạo thực hiện tuyển dụng nhân sự dự án thủy điện Tanahu (Nepal), hầm đường sắt Ấn Độ và các vị trí còn thiếu theo kế hoạch định biên được duyệt.

- Hoàn thành phê duyệt định biên nhân lực năm 2026 và kế hoạch đào tạo năm 2026 của Công ty mẹ - Tổng công ty.



- Chỉ đạo thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động (lương, BHXH, BHYT, BHTN,...)

- Chỉ đạo thực hiện công tác thi đua khen thưởng và kê khai tài sản năm 2025.

### **8. Công tác pháp chế và quản trị rủi ro**

- Chỉ đạo thực hiện công tác thẩm định pháp lý liên quan hoạt động của TCT. Rà soát, sửa đổi các qui chế, qui định phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành của Nhà nước và của SCIC.

- Tiếp tục thực hiện kết luận sau Thanh tra của các cơ quan Thanh tra; Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến TCT (nếu có).

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng năm 2026.

Trên đây là báo cáo kiểm điểm hoạt động của HĐQT Tổng công ty Sông Đà – CTCP năm 2025; Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 của Tổng công ty. Rất mong các Quý vị cổ đông tham dự đại hội xem xét, thông qua:

– Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025, kết quả thực hiện SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 của Hội đồng quản trị TCT

– Ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2026 phù hợp với thực tế hoạt động SXKD.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Tuấn**





TỔNG CÔNG TY  
SÔNG ĐÀ - CTCP

Số: 02 /TCT-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026.

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Ban Kiểm soát Tổng công ty Sông Đà - CTCP xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 như sau:

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**1. Thông tin về Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát của Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 ÷ 2028 gồm có các thành viên:

TT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	BỔ NHIỆM
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Ban Kiểm soát	09/6/2023
2	Tổng Quang Vinh	Kiểm soát viên	09/6/2023
3	Hà Tuấn Linh	Kiểm soát viên	09/6/2023

**2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Trong năm 2025, các thành viên của Ban Kiểm soát Tổng công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty. Ban Kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, tổ chức họp định kỳ và tiến hành kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp; tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty. Cụ thể:

2.1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Trong đó trọng tâm giám sát:

- Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đảm bảo đúng nội dung đã được thông qua. Việc ban hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Việc triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023 ÷ 2028.



- Công tác thu hồi vốn: Thu hồi các khoản công nợ phải thu (Xi măng Hạ Long, Điện Việt Lào ...). Thanh, quyết toán hợp đồng tại các công trình, dự án (thủy điện Xekaman 3, Xekaman 1 ...).

- Công tác thị trường tìm việc làm; tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án thủy điện, năng lượng tái tạo, các dự án khác trong và ngoài nước để tận dụng các nguồn lực hiện có của Sông Đà.

- Công tác hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty con, công ty liên kết thông qua người đại diện vốn tại các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp).

2.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.

2.3. Làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập; giám sát công tác kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2025 và công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty. Xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do đơn vị kiểm toán độc lập phát hành.

2.4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo: Báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty; Báo cáo tài chính năm hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Tổng công ty. Trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

2.5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

2.6. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty (khi được mời).

2.7. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2.8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong quá trình thực hiện giám sát, khi phát hiện có những tồn tại, bất cập trong các mặt hoạt động của Tổng công ty; phát hiện các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty có dấu hiệu mất an toàn tài chính. Ban Kiểm soát đều có thông báo bằng văn bản tới Hội đồng quản trị Tổng công ty để chỉ đạo các cá nhân, tổ chức liên quan, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khẩn trương xây dựng và thực hiện ngay các biện pháp để khắc phục những tồn tại, bất cập trong các mặt hoạt động của Tổng công ty; ngăn chặn, khắc phục các nguy cơ mất an toàn tài chính doanh nghiệp, rủi ro, yếu kém trong công tác quản lý điều hành tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

## **II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

**1. Đánh giá công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Trọng tâm những công tác sau:**

*1.1. Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:*



Năm 2025, Tổng công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn không những từ các áp lực bên ngoài để thích nghi theo môi trường kinh doanh đã có những biến đổi về cơ bản, mà còn từ những khó khăn ngay trong nội tại Tổng công ty. Những khó khăn, vướng mắc tồn tại từ trước cổ phần hóa đã và đang từng bước được tháo gỡ, tuy nhiên vẫn còn các vấn đề tồn tại chưa thể tháo gỡ triệt để. Tổng công ty hiện vẫn còn gặp khó khăn trong công tác tái cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính, thu hồi công nợ và tìm kiếm việc làm.

Trước những khó khăn nêu trên, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty đã rất nỗ lực đề ra các giải pháp để tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, chỉ đạo quyết liệt công tác sản xuất kinh doanh, công tác nghiệm thu, thanh toán thu hồi vốn, công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm trong toàn Tổng công ty và đã đạt được những kết quả khả quan. Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông đã phản ánh đúng thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Kết quả như sau:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025		THỰC HIỆN NĂM 2025		HOÀN THÀNH KH NĂM	
			Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	7.450	1.510	8.059	1.799	108%	119%
2	Doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	6.930	1.506	8.538	1.769	123%	117%
3	Nộp Nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	550	25	726	30	132%	120%
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	780	528	2.193	636	281%	120%
5	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	725	523	1.984	662	274%	127%
6	Cổ tức	%		10		12		120%

### ***1.2. Công tác thanh, quyết toán hợp đồng tại các công trình, dự án:***

Tổng công ty đã và đang tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc với các chủ đầu tư. Đang tập trung làm việc với chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc để nghiệm thu thanh, quyết toán tại dự án thủy điện Xekaman 1, Xekaman 3; tuy nhiên công tác này đang tiến triển khá chậm.

### ***1.3. Công tác thu hồi công nợ:***

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng công tác thu hồi công nợ của Tổng công ty và các công ty con hoạt động trong lĩnh vực xây lắp vẫn còn chậm, do gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về hồ sơ, chủ đầu tư thiếu vốn thanh toán; giá trị dở dang, công nợ phải thu còn rất lớn, nên Tổng công ty và các công ty con hoạt động trong lĩnh vực xây lắp đang gặp nhiều khó khăn trong việc cân đối dòng tiền tạo ra với nhu cầu vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

### ***1.4. Công tác thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023 ÷ 2028:***

Tổng công ty đang từng bước xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023 ÷ 2028.



### **1.5. Công tác quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần:**

Tổng công ty đã hoàn thành, trình Bộ Xây dựng ngày 09/6/2025 và Bộ Xây dựng đã phê duyệt ngày 03/3/2026.

### **2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty:**

Ban Kiểm soát đã phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập để đánh giá tính trung thực của các báo cáo tài chính. Sau khi xem xét, rà soát một cách khách quan và toàn diện tất cả các khía cạnh liên quan đến tình hình tài chính của Tổng công ty; phân tích, đánh giá các thông tin tài chính. Ban Kiểm soát nhận xét, đánh giá như sau:

**2.1. Về chất lượng và độ tin cậy của Báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Theo đơn vị kiểm toán thì:

- Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

- Báo cáo tài chính hợp nhất có ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với hai công ty con được hợp nhất là Sông Đà 4, Sông Đà 6. Có ý kiến nhấn mạnh về các báo cáo tài chính của một số công ty con được hợp nhất đang tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu, dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của các công ty này. Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2. Đánh giá tình hình tài chính và các rủi ro tiềm ẩn:** Năm 2025, Tổng công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu được ĐHCĐ thường niên thông qua, đảm bảo có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn của các chủ sở hữu tại Tổng công ty. Những khó khăn, tồn tại về tài chính của Tổng công ty từ trước cổ phần hóa đang dần được khắc phục. Triển vọng tình hình tài chính của Tổng công ty trong thời gian tới từng bước sẽ ổn định hơn.

Tuy nhiên, tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà - CTCP vẫn còn tồn tại những rủi ro nhất định. Tài sản của Tổng công ty hiện đang tập trung chủ yếu ở các khoản phải thu và các khoản đầu tư tài chính, trong đó nhiều tài sản hiện đang có tính thanh khoản thấp nên rủi ro còn cao. Công tác thu hồi vốn tại các công trình, dự án (như các dự án thủy điện của Điện Việt Lào, và một số công trình, dự án do các công ty con tự tìm kiếm, đấu thầu ...), thu hồi các khoản phải thu của Xi măng Hạ Long, Điện Việt Lào ... còn rất chậm; một số khoản đầu tư



vốn ra ngoài doanh nghiệp hiệu quả thấp hoặc không có hiệu quả; một số khoản tiền cổ tức, lợi nhuận được chia còn tình trạng để nợ đọng nhiều năm chưa thu được (đối với từng vấn đề cụ thể, Ban Kiểm soát đã có ý kiến trực tiếp tại các cuộc họp, hoặc ý kiến bằng văn bản gửi tới Hội đồng quản trị Tổng công ty). Thực trạng này đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty và đặc biệt là các công ty con hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

### **3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty:**

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty đã hoạt động theo quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Tổng công ty; tuân thủ pháp luật; thực hiện nghiêm túc công tác quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, công tác hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty vẫn còn chậm.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị (có mời Ban Kiểm soát tham dự) được thực hiện theo quy định, đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu quản trị và tình hình phát triển kinh doanh của Tổng công ty. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, định hướng hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, xây dựng kế hoạch và các nội dung thuộc thẩm quyền.

Tổng giám đốc Tổng công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo chức năng, nhiệm vụ và đúng thẩm quyền.

Trước tình trạng còn nhiều khó khăn, tồn tại của Tổng công ty, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc kiểm điểm, nhận diện các hạn chế, tồn tại của nội bộ Tổng công ty để đưa ra những biện pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, khắc phục tình trạng tài chính, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

### **4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty:**

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát Tổng công ty được Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty đã có mối quan hệ phối hợp tốt trong công tác quản lý, điều hành và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp Tổng công ty.

Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (khi được mời), tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát. Những kiến nghị của Ban Kiểm soát Tổng công ty đều được ghi nhận và thực hiện.



### **III. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Trong 2025, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty đã rất nỗ lực trong việc duy trì sự ổn định, từng bước khắc phục những tồn tại phát sinh từ nhiều năm trước, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua. Để Tổng công ty Sông Đà - CTCP hoạt động ổn định, hiệu quả và ngày càng phát triển trong những năm tới, Ban Kiểm soát kiến nghị về một số vấn đề cấp bách như sau:

1. Đẩy nhanh công tác xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023 ÷ 2028.

2. Đẩy mạnh công tác thu hồi vốn để không làm thất thoát, mất vốn; hạn chế tối đa tình trạng bị chiếm dụng vốn, tài sản, nhằm tập trung tối đa nguồn lực tài chính cho phát triển mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đầu tư trong toàn Tổng công ty. Trong đó:

- Cần có biện pháp cần thiết và quyết liệt hơn nữa trong việc thu hồi các khoản công nợ phải thu tại: Xi măng Hạ Long, Điện Việt Lào, Sử Pán 2, Licogi ...

- Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc về hồ sơ, đẩy mạnh công tác thanh, quyết toán, thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư tại các công trình, dự án: Thủy điện Xekaman 1, Xekaman 3 ...

- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn. Đối với những khách nợ thiếu thiện chí, cần đưa ra pháp luật để giải quyết, nhất là đối với các khách nợ là chủ đầu tư/tổng thầu các công trình, dự án do các công ty con, công ty liên kết tự tìm kiếm, đấu thầu.

3. Đẩy mạnh công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy kết hợp đổi mới quản trị doanh nghiệp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với mô hình quản trị của Tổng công ty.

4. Tập trung cho công tác thị trường tìm việc làm, tích cực tham gia đấu thầu các công trình, dự án trong và ngoài nước trong đó ưu tiên các lĩnh vực thi công, xây dựng là ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Sông Đà. Nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án thủy điện hoặc năng lượng tái tạo trong và ngoài nước để tận dụng các nguồn lực hiện có của Sông Đà.

5. Tổ chức kiểm điểm, đánh giá tình hình hoạt động và trách nhiệm của Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ. Từ đó đề ra các giải pháp hữu hiệu để cải thiện công tác quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết nhằm bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp này.

### **IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY**

Xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Cụ thể:



1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Trong đó trọng tâm giám sát:

- Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; việc ban hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và đổi mới quản trị doanh nghiệp. Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với mô hình quản trị của Tổng công ty.

- Công tác thu hồi vốn: Thu hồi các khoản công nợ phải thu (Xi măng Hạ Long, Điện Việt Lào ...). Thanh, quyết toán hợp đồng tại các công trình, dự án (thủy điện Xekaman 3, Xekaman 1 ...).

- Công tác tìm kiếm các cơ hội đầu tư/thi công các dự án thủy điện, năng lượng tái tạo, các dự án khác trong và ngoài nước để tận dụng các nguồn lực hiện có của Sông Đà.

- Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty con, công ty liên kết thông qua người đại diện vốn tại các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp).

- Các nhiệm vụ trọng tâm khác.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập; giám sát công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025, công tác kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2026 của Tổng công ty.

4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo:

- Báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty;

- Báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty;

- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

5. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

6. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

7. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc



nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty (khi được mời).

10. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

11. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

12. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

13. Giám sát tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty; đánh giá hiệu quả và mức độ bảo toàn, phát triển vốn đầu tư của Tổng công ty; tình hình thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty.

14. Thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát trực tiếp/gián tiếp đối với công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty (nếu xét thấy cần thiết). Giám sát tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát Tổng công ty.

15. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

16. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- HĐQT, BKS TCT,
- Lưu BKS, VP.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Văn Thắng**



**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TCT SÔNG ĐÀ - CTCP**

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31/12/2025 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

Tổng công ty Sông Đà – CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 đã được kiểm toán như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31/12/2025 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Tổng công ty Sông Đà – CTCP tại ngày 31/12/2025:

+ Tổng tài sản:	13.415.904.388.514, đồng
Trong đó: Tài sản ngắn hạn	6.373.384.440.639, đồng
Tài sản dài hạn	7.042.519.947.875, đồng
+ Tổng nguồn vốn:	13.415.904.388.514, đồng
Trong đó: Nợ phải trả	7.521.069.438.124, đồng
Nguồn vốn chủ sở hữu	5.894.834.950.390, đồng
+ Tổng doanh thu	1.768.915.959.726, đồng
+ Lợi nhuận trước thuế	635.663.489.035, đồng
+ Lợi nhuận sau thuế	661.745.908.696, đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT; BKS TCT;
- Lưu: VP TCT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Tuấn**



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	13 - 49



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (sau đây được gọi là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Anh Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Ban
Ông Tống Quang Vinh	Thành viên
Ông Hà Tuấn Linh	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Trần Anh Đức	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Tổng Công ty là Ông Vũ Đức Quang.

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 03 tháng 3 năm 2026, Bộ Xây dựng ra quyết định số 301/QĐ-BXD, quyết định về giá trị thực tế vốn nhà nước tại thời điểm bàn giao Tổng Công ty Sông Đà thành Tổng Công ty Sông Đà – CTCP.

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài thông tin trên, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Anh Đức**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Số: 666/2026/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 49 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



BV

**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**Bùi Đức Nam**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>6.373.384.440.639</b>	<b>5.626.035.298.473</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>520.425.161.039</b>	<b>481.306.921.723</b>
Tiền	111		519.836.161.039	450.181.921.723
Các khoản tương đương tiền	112		589.000.000	31.125.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.263.097.618.561</b>	<b>1.799.209.773.030</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	6.1	172.618.561	172.618.561
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.2	2.262.925.000.000	1.799.037.154.469
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.554.815.673.146</b>	<b>3.323.779.909.719</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	521.448.282.910	643.272.201.749
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	154.320.815.731	62.999.544.239
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	3.236.651.235.644	3.138.597.339.889
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.316.275.547.887	1.302.001.703.448
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.673.880.209.026)	(1.823.090.879.606)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>35.045.987.893</b>	<b>21.738.694.001</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	9.653.322.491	2.496.007.616
Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.281.366.515	19.101.812.749
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	3.111.298.887	140.873.636
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.042.519.947.875</b>	<b>7.504.756.600.132</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.152.483.003.360</b>	<b>1.168.191.669.999</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	514.424.803.218	501.980.127.025
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	637.691.800.142	666.211.542.974
Phải thu dài hạn khác	216		366.400.000	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>682.696.208.644</b>	<b>711.532.930.099</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	678.276.394.369	711.490.663.235
- Nguyên giá	222		1.099.274.653.661	1.099.694.298.135
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(420.998.259.292)	(388.203.634.900)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		4.403.365.591	-
- Nguyên giá	225		4.420.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.634.409)	-
Tài sản cố định vô hình	227	13	16.448.684	42.266.864
- Nguyên giá	228		1.792.138.668	1.792.138.668
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.775.689.984)	(1.749.871.804)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>48.849.426.755</b>	<b>48.849.426.755</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		48.849.426.755	48.849.426.755
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6.3</b>	<b>5.027.854.423.097</b>	<b>5.549.921.883.506</b>
Đầu tư vào công ty con	251		4.297.407.250.939	4.297.407.250.939
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.965.728.798.410	1.965.728.798.410
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		172.567.765.095	172.567.765.095
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.407.849.391.347)	(885.781.930.938)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>130.636.886.019</b>	<b>26.260.689.773</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		130.636.886.019	26.260.689.773
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>13.415.904.388.514</b>	<b>13.130.791.898.605</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.521.069.438.124</b>	<b>7.436.571.702.911</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.698.521.684.312</b>	<b>4.428.151.933.382</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.041.141.966.491	1.050.142.824.448
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	135.160.468.585	307.705.264.902
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	71.114.417.979	3.402.720.828
Phải trả người lao động	314		24.186.441.924	17.927.128.306
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	350.879.631.779	348.131.228.267
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	15.723.194.381	29.893.855.531
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	998.521.052.174	830.312.120.420
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	2.036.660.664.344	1.824.245.835.237
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		25.133.846.655	16.390.955.443
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.822.547.753.812</b>	<b>3.008.419.769.529</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	14	675.300.340.583	779.123.547.603
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	129.113.986.616	132.949.055.524
Phải trả dài hạn khác	337	18	79.948.399.610	77.029.775.222
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	1.938.185.027.003	2.019.317.391.180
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**  
 Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>5.894.834.950.390</b>	<b>5.694.220.195.694</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>5.894.834.950.390</b>	<b>5.694.220.195.694</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		731.640.583.667	663.640.583.667
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		667.823.246.723	535.208.492.027
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.077.338.027	51.051.672.639
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		661.745.908.696	484.156.819.388
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>13.415.904.388.514</b>	<b>13.130.791.898.605</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng



Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Anh Đức

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	521.876.230.002	595.967.048.535
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>521.876.230.002</b>	<b>595.967.048.535</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>449.905.246.094</b>	<b>521.240.473.507</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>71.970.983.908</b>	<b>74.726.575.028</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	967.954.387.008	790.984.801.339
Chi phí tài chính	22	26	751.394.470.303	369.472.487.024
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		204.143.953.149	228.220.568.578
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	(68.055.238.974)	15.185.304.032
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>356.586.139.587</b>	<b>481.053.585.311</b>
Thu nhập khác	31	27	279.085.342.716	3.529.920.085
Chi phí khác	32		7.993.268	2.667.120
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>279.077.349.448</b>	<b>3.527.252.965</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>635.663.489.035</b>	<b>484.580.838.276</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	78.293.776.585	19.052.368.666
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(104.376.196.246)	(18.628.349.778)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>661.745.908.696</b>	<b>484.156.819.388</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



**Trịnh Thị Anh Đào**



**Vũ Đức Quang**




**Trần Anh Đức**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>635.663.489.035</b>	<b>484.580.838.276</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		34.145.697.344	34.140.812.211
Các khoản dự phòng	03		372.856.789.829	78.513.180.106
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		24.107.286.160	16.719.838.240
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(968.092.903.513)	(790.984.801.339)
Chi phí lãi vay	06		204.143.953.149	228.220.568.578
Các điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>302.824.312.004</b>	<b>51.190.436.072</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(46.090.040.468)	103.229.128.505
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	1.763.412
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(255.936.341.090)	267.234.524.173
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.157.314.875)	558.093.034
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(159.923.843.792)	(471.212.234.829)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.418.250.230)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.851.150.788)	(2.881.754.995)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(179.552.629.239)</b>	<b>(51.880.044.628)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(888.975.889)	(220.653.637)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		203.837.171	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(464.000.000.000)	(144.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		216.609.186.628	23.120.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(428.782.960.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.088.073.332.037	758.924.720.026
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>839.997.379.947</b>	<b>209.041.106.389</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(181.285.183.337)	(84.286.989.800)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(449.500.904.000)	(449.537.112.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(630.786.087.337)</b>	<b>(533.824.101.800)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>29.658.663.371</b>	<b>(376.663.040.039)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>481.306.921.723</b>	<b>843.909.844.663</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.459.575.945	14.060.117.099
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>520.425.161.039</b>	<b>481.306.921.723</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trịnh Thị Anh Đào

Vũ Đức Quang



Trần Anh Đức



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Sông Đà - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Sông Đà (Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo quyết định số 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 06 tháng 4 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 06 năm 2023 thay đổi Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Trụ sở chính của Tổng Công ty hiện đặt tại Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh điện, xây lắp và kinh doanh bất động sản.

**1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng.
- Các ngành nghề kinh doanh có liên quan: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; xuất khẩu lao động; đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; khách sạn; dịch vụ nỏ mìn.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP****(a) Các công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	Tiểu khu 5, xã Mường La, Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	74,41%	74,41%	68,93%	68,93%
2. Công ty CP Thủy điện Cản Đơn	Ấp Thanh Thủy, xã Thiện Hưng, Đồng Nai	Sản xuất điện thương phẩm	50,96%	50,96%	50,96%	50,96%
3. Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Số 96 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
4. Công ty CP Sông Đà 3	Số 94 đường Võ Nguyên Giáp, tổ 4 xã Măng Đen, Quảng Ngãi	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
5. Công ty CP Sông Đà 4	Tầng 3 - Tòa nhà TM - KĐT Văn Khê, phường Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
6. Công ty CP Sông Đà 5	Tầng 5, Tháp B, Tòa nhà HH4 Khu đô thị Sông Đà Mỹ Đình, phường Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%	64,16%
7. Công ty CP Sông Đà 6	Tầng 1 và tầng 2 tòa nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
8. Công ty CP Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%	58,50%
9. Công ty CP Sông Đà 10	Tầng 10-11, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%	62,27%
10. Công ty CP Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%	51,01%
11. Công ty CP PCCC và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	P501 tầng 5 số 121 Trần Đăng Ninh, phường Cầu Giấy, Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
12. Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	Nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, Hà Nội.	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

**(b) Các công ty liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Công ty CP Điện Việt Lào	Tầng 9, khu B, tòa nhà HH4, đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất điện thương phẩm	35,11%	35,11%	35,11%	35,11%
2. Công ty CP Sông Đà 2	Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%	40,77%
3. Công ty CP BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Bình Nguyên, Phú Thọ	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%	28,65%
4. Công ty CP Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 23 Nguyễn Thiện Thuật, phường Nha Trang, Khánh Hòa	Bất động sản	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
5. Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng, Hà Nội	Bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
6. Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 5, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
7. Công ty CP Sông Đà 12	SV05-01, Khu Đô thị Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
8. Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%	46,15%
9. Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, Đồng Nai	SX, XNK cao su	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%

**(c) Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	Xã Chiềng Lao, tỉnh Sơn La
2. Ban điều hành Dự án Hạ tầng và Công nghiệp	Bản Nậm Nhùn, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu
3. Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	Tổ 15, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
4. Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca man 1	Khu vực Cửa khẩu Bờ Y, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi
5. Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Thôn 5, xã Quảng Tín, tỉnh Lâm Đồng
6. Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ	Số nhà 32, ngõ số 8, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Thành Vinh, Nghệ An
7. Ban điều hành Dự án Nhà máy Thủy điện Tích năng Bắc Ái – Chi nhánh Tổng công ty Sông Đà – CTCP	153 Trần Nhân Tông, Tổ 7, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi
8. Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca man 3	Thôn Dung, xã Thạnh Mỹ, Thành phố Đà Nẵng
9. Ban điều hành gói thầu số 4	927 Hùng Vương, xã Duy Xuyên, Thành phố Đà Nẵng
10. Ban quản lý Dự án Thủy điện Sê Kông 3	Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, Hà Nội

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

**1.8 NHÂN VIÊN**

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 là 120 người (tại ngày 01/01/2025 là 114 người).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này:

**3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 NGOẠI TỆ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

**3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Tổng Công ty đang nắm giữ các loại chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng... Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý trên thị trường thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Trường hợp chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch hoặc đã niêm yết trên thị trường mà không có giá giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng hoặc tại ngày trích lập dự phòng, chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch thì việc xác định mức trích lập dự phòng tương tự như trường hợp đầu tư vào các đơn vị kinh tế khác.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Riêng Chứng khoán kinh doanh của Công ty mẹ là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

***Đầu tư vào Công ty con***

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Công ty liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

*Công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tổng Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 47
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Tài sản cố định khác	03 - 10



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 năm đến 10 năm.

**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí bảo lãnh các công trình, công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước khác. Các khoản chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

**3.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán bao gồm các khoản chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí công trình xây dựng, tiền chậm nộp quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp và các chi phí phải trả khác.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Tổng Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**3.12 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**3.13 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng và doanh thu nhận trước tiền xây dựng công trình. Tổng Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

**3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**3.15 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông được chốt chính thức và được UBCK chấp thuận.

**3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, xây lắp, cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính.

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**

- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)***Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

**3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC***Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.19 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tổng Công ty, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các giao dịch và số dư bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	1.012.743.576	780.929.374
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	518.823.417.463	449.400.992.349
- Các khoản tương đương tiền (*)	589.000.000	31.125.000.000
<b>Cộng</b>	<b>520.425.161.039</b>	<b>481.306.921.723</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng.

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>9.653.322.491</b>	<b>2.496.007.616</b>
- Chi phí sửa chữa	8.176.521.180	-
- Các khoản khác	1.476.801.311	2.496.007.616
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>9.653.322.491</b>	<b>2.496.007.616</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**6.1 Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh gồm các cổ phiếu được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam, được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS với Tổng Công ty Sông Đà.

**6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.262.925.000.000</b>	<b>2.262.925.000.000</b>	<b>1.799.037.154.469</b>	<b>1.799.037.154.469</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.262.925.000.000	2.262.925.000.000	1.799.037.154.469	1.799.037.154.469
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.262.925.000.000</b>	<b>2.262.925.000.000</b>	<b>1.799.037.154.469</b>	<b>1.799.037.154.469</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

**(a) Đầu tư vào công ty con**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	1.409.977.276.519	1.409.977.276.519
- Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	1.010.880.360.000	1.010.880.360.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	228.073.875.831	228.073.875.831
- Công ty CP Sông Đà 3	64.464.000.000	64.464.000.000
- Công ty CP Sông Đà 4	72.975.500.000	72.975.500.000
- Công ty CP Sông Đà 5	196.843.824.000	196.843.824.000
- Công ty CP Sông Đà 6	339.023.100.000	339.023.100.000
- Công ty CP Sông Đà 9	305.867.224.224	305.867.224.224
- Công ty CP Sông Đà 10	417.736.289.900	417.736.289.900
- Công ty CP Tư vấn Sông Đà	15.973.200.000	15.973.200.000
- Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	12.750.000.000	12.750.000.000
- Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	222.842.600.465	222.842.600.465
<b>Cộng</b>	<b>4.297.407.250.939</b>	<b>4.297.407.250.939</b>

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giá trị ghi sổ	4.297.407.250.939	4.297.407.250.939
- Dự phòng	(1.161.489.875.403)	(637.488.799.734)

**(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công ty CP BOT Quốc lộ 2	128.215.909.014	128.215.909.014
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	84.000.000.000	84.000.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.504.398.126	3.504.398.126
- Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	100.000.000.000	100.000.000.000
- Công ty CP Phát triển Nhà Khánh Hòa	20.887.000.000	20.887.000.000
- Công ty CP Điện Việt Lào	1.546.238.316.070	1.546.238.316.070
- Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	23.838.175.200	23.838.175.200
- Công ty CP Sông Đà 12	12.005.000.000	12.005.000.000
- Công ty CP Sông Đà 2	47.040.000.000	47.040.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.965.728.798.410</b>	<b>1.965.728.798.410</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp)**

**(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Tiếp)**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Giá trị ghi sổ	1.965.728.798.410	1.965.728.798.410
- Dự phòng	(241.854.669.230)	(243.788.284.490)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000	538.200.000
- Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP	55.396.800.278	55.396.800.278
- Tập đoàn Hà Thành	110.000.000	110.000.000
- Công ty CP Thủy điện Đăkdrinh	13.082.914.986	13.082.914.986
- Công ty CP Kỹ thuật điện Sông Đà	165.300.000	165.300.000
- Công ty CP Thủy điện Sơn Trà - Sông Đà	1.536.000.000	1.536.000.000
- Công ty CP Sông Đà Đất Vàng	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty CP Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000	300.000.000
- Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	5.930.749.831	5.930.749.831
- Công ty CP Công nghiệp Cao su COECCO	4.573.200.000	4.573.200.000
- Công ty CP Khai thác & Chế biến	25.724.000.000	25.724.000.000
- Công ty CP Thủy điện Hồ Bốn	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP Thủy điện Hương Sơn	6.390.500.000	6.390.500.000
- Công ty CP Sông Đà 11	51.820.100.000	51.820.100.000
<b>Cộng</b>	<b>172.567.765.095</b>	<b>172.567.765.095</b>

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Giá trị ghi sổ	172.567.765.095	172.567.765.095
- Dự phòng	(4.504.846.714)	(4.504.846.714)

Tình hình biến động dự phòng cho các nhà đầu tư góp vốn vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Số đầu năm	885.781.930.938	761.805.991.864
+ Trích lập dự phòng	524.583.030.287	123.975.939.074
+ Hoàn nhập dự phòng	(2.515.569.878)	-
- Số cuối năm	<b>1.407.849.391.347</b>	<b>885.781.930.938</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>521.448.282.910</b>	<b>643.272.201.749</b>
- Phải thu các bên liên quan	<b>365.911.243.604</b>	<b>444.101.143.482</b>
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 1	88.435.286.887	163.945.840.003
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 3	267.557.376.869	269.088.812.310
+ Công ty CP Sông Đà 4	29.566.502	1.893.033.744
+ Công ty CP Sông Đà 6	456.113.970	475.010.125
+ Công ty CP Sông Đà 10	2.968.055.640	724.846.381
+ Công ty CP Sông Đà 12	1.302.179.139	1.302.179.139
+ Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	158.791.159	1.675.103.394
+ Công ty CP Tư vấn Sông Đà	28.683.535	28.683.535
+ Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	198.820.484	137.039.351
+ Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà	4.467.053.121	4.516.279.202
- Ucrin		
+ Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	309.316.298	309.316.298
+ Công ty CP Điện Việt Lào	-	5.000.000
- Phải thu các khách hàng khác	<b>155.537.039.306</b>	<b>199.171.058.267</b>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>514.424.803.218</b>	<b>501.980.127.025</b>
- Phải thu các bên liên quan	<b>514.424.803.218</b>	<b>501.980.127.025</b>
+ Công ty CP Điện Việt Lào	19.002.468.644	19.002.468.644
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 1	134.009.527.498	133.855.924.989
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 3	361.412.807.076	349.121.733.392
- Phải thu các khách hàng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.035.873.086.128</b>	<b>1.145.252.328.774</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>154.320.815.731</b>	<b>62.999.544.239</b>
- Trả trước cho các bên liên quan	109.873.607.565	18.940.251.208
+ Công ty CP Sông Đà 4	5.503.895.073	-
+ Công ty CP Sông Đà 6	19.965.707.668	-
+ Công ty CP Sông Đà 5	20.468.753.994	-
+ Công ty CP Sông Đà 10	44.874.999.622	-
+ Công ty CP Sông Đà 12	1.961.835.591	1.961.835.591
+ Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	260.568.300	260.568.300
+ Công ty CP Tư vấn Sông Đà	920.000.000	800.000.000
+ Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	15.917.847.317	15.917.847.317
- Trả trước cho đơn vị khác	44.447.208.166	44.059.293.031
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>154.320.815.731</b>	<b>62.999.544.239</b>

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.236.651.235.644</b>	<b>3.138.597.339.889</b>
- Phải thu các bên liên quan	577.685.572.882	732.938.229.391
+ Công ty CP Điện Việt Lào	558.914.035.030	719.149.386.696
+ Công ty CP Sông Đà 4	12.224.469.711	8.036.423.420
+ Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	6.547.068.141	5.752.419.275
- Phải thu các tổ chức khác	2.658.965.662.762	2.405.659.110.498
+ Công ty CP Xi măng Hạ Long	2.623.562.477.335	2.369.555.925.071
+ Các đối tượng khác	35.403.185.427	36.103.185.427
<b>b) Dài hạn</b>	<b>637.691.800.142</b>	<b>666.211.542.974</b>
- Phải thu các bên liên quan	133.276.726.749	139.250.438.082
+ Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	83.297.955.372	87.031.524.919
+ Công ty CP Sông Đà 4	49.978.771.377	52.218.913.163
- Phải thu các tổ chức khác	504.415.073.393	526.961.104.892
+ Công ty CP Xi măng Hạ Long	504.315.073.393	526.861.104.892
+ Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.874.343.035.786</b>	<b>3.804.808.882.863</b>



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt,  
Thành phố Hà Nội

**Mẫu số B09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**10. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.316.275.547.887</b>	<b>1.302.001.703.448</b>
- Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	75.616.729.636	353.462.051.236
+ Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	-	235.942.377.600
+ Công ty CP Sông Đà 4	13.390.000.000	13.390.000.000
+ Công ty CP Sông Đà 6	51.983.542.000	51.983.542.000
+ Công ty CP Sông Đà 9	8.010.777.600	28.037.721.600
+ Công ty CP Sông Đà 12	735.000.000	735.000.000
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	-	21.776.000.000
+ Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.497.410.036	1.597.410.036
- <b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>43.526.416.465</b>	<b>39.403.928.083</b>
+ Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	698.680.043	827.525.092
+ Công ty TNHH MTV Xekaman 1	116.558.759	116.558.759
+ Công ty CP Sông Đà 3	81.320.432	81.320.432
+ Công ty CP Sông Đà 4	10.993.935.566	8.273.330.241
+ Công ty CP Sông Đà 6	830.742.791	830.742.791
+ Công ty CP Sông Đà 9	238.194.259	238.194.259
+ Công ty CP Sông Đà 10	12.269.130.729	10.738.402.623
+ Công ty CP Tư vấn Sông Đà	69.000.000	69.000.000
+ Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	18.223.427.249	18.223.427.249
+ Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	5.426.637	5.426.637
- <b>Phải thu các tổ chức và các nhân khác</b>	<b>1.197.132.401.786</b>	<b>909.135.724.129</b>
+ Công ty CP Xi măng Hạ Long	988.375.067.382	734.566.586.499
+ Phải thu khác	208.757.334.404	174.569.137.630
<b>b) Dài hạn</b>	<b>366.400.000</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.316.641.947.887</b>	<b>1.302.001.703.448</b>

**11. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Số đầu năm	1.823.090.879.606	1.868.553.638.574
+ Trích lập dự phòng	27.235.885.479	46.687.911.224
+ Hoàn nhập dự phòng	(176.446.556.059)	(92.150.670.192)
- Số cuối năm	<b>1.673.880.209.026</b>	<b>1.823.090.879.606</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2025	682.981.810.198	88.310.489.012	44.825.980.551	12.430.765.020	271.145.253.354	1.099.694.298.135
- Mua trong năm	-	-	-	-	888.975.889	888.975.889
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.308.620.363)	-	-	(1.308.620.363)
31/12/2025	682.981.810.198	88.310.489.012	43.517.360.188	12.430.765.020	272.034.229.243	1.099.274.653.661
<b>HAO MÓN LŨY KẾ</b>						
01/01/2025	(157.240.911.329)	(70.164.591.841)	(29.277.831.153)	(12.103.035.478)	(119.417.265.099)	(388.203.634.900)
- Khấu hao trong năm	(16.826.522.258)	(5.622.491.389)	(886.029.228)	(94.186.557)	(10.674.015.323)	(34.103.244.755)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.308.620.363	-	-	1.308.620.363
31/12/2025	(174.067.433.587)	(75.787.083.230)	(28.855.240.018)	(12.197.222.035)	(130.091.280.422)	(420.998.259.292)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2025	525.740.898.869	18.145.897.171	15.548.149.398	327.729.542	151.727.988.255	711.490.663.235
31/12/2025	508.914.376.611	12.523.405.782	14.662.120.170	233.542.985	141.942.948.821	678.276.394.369

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 657.669.127.918 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 689.540.482.703 đồng).

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 49.579.933.784 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 40.964.106.471 đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2025	337.478.200	1.187.205.923	267.454.545	1.792.138.668
31/12/2025	337.478.200	1.187.205.923	267.454.545	1.792.138.668
HAO MÒN LUYỄN KẾ				
01/01/2025	(337.478.200)	(1.187.205.923)	(225.187.681)	(1.749.871.804)
- Khấu hao trong năm	-	-	(25.818.180)	(25.818.180)
31/12/2025	(337.478.200)	(1.187.205.923)	(251.005.861)	(1.775.689.984)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2025	-	-	42.266.864	42.266.864
31/12/2025	-	-	16.448.684	16.448.684

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 1.714.684.123 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 1.714.684.123 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.041.141.966.491</b>	<b>1.050.142.824.448</b>
- Phải trả các bên liên quan	<b>868.060.655.828</b>	<b>869.701.655.461</b>
+ Công ty CP Sông Đà 2	5.689.790.309	6.637.036.759
+ Công ty CP Sông Đà 3	11.882.275.157	12.114.341.756
+ Công ty CP Sông Đà 4	16.861.166.854	18.858.208.649
+ Công ty CP Sông Đà 5	85.086.936	791.943.896
+ Công ty CP Sông Đà 6	13.174.381.586	8.906.943.824
+ Công ty CP Sông Đà 9	6.733.599.933	7.024.486.564
+ Công ty CP Sông Đà 10	64.030.049.531	47.763.822.471
+ Công ty CP Sông Đà 12	364.421.130	-
+ Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư xây dựng Sông Đà	172.001.253	172.001.253
+ Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	738.320.125.170	745.945.503.563
+ Công ty CP Tư vấn Sông Đà	2.799.304.204	1.179.657.275
+ Công ty CP Cơ khí lắp máy Sông Đà	1.803.390.769	5.579.372.052
+ Công ty CP Phát triển nhà Khánh Hòa	-	4.243.178.875
+ Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.652.684.052	5.990.069.704
+ Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	206.349.684	206.349.684
+ Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	4.286.029.260	4.288.739.136
- Phải trả các đơn vị khác	<b>173.081.310.663</b>	<b>180.441.168.987</b>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>675.300.340.583</b>	<b>779.123.547.603</b>
- Phải trả các bên liên quan	<b>529.994.093.046</b>	<b>622.448.405.359</b>
+ Công ty CP Sông Đà 2	559.308.050	559.308.050
+ Công ty CP Sông Đà 3	546.022.433	6.565.059.291
+ Công ty CP Sông Đà 4	33.000.017.891	44.463.030.504
+ Công ty CP Sông Đà 5	7.740.601.164	7.938.122.944
+ Công ty CP Sông Đà 6	94.220.880.189	114.411.426.292
+ Công ty CP Sông Đà 9	94.252.973.671	103.985.104.728
+ Công ty CP Sông Đà 10	183.119.458.487	190.853.196.666
+ Công ty CP Sông Đà 12	-	364.421.130
+ Công ty CP Tư vấn Sông Đà	5.134.012.042	5.134.012.042
+ Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	76.634.084.584	94.711.434.270
+ Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	340.597.484	822.909.017
+ Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	34.432.496.961	52.626.740.335
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 3	13.640.090	13.640.090
- Phải trả các đơn vị khác	<b>145.306.247.537</b>	<b>156.675.142.244</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.716.442.307.074</b>	<b>1.829.266.372.051</b>



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt,  
Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>135.160.468.585</b>	<b>307.705.264.902</b>
- Trả trước của các bên liên quan	22.999.392.161	22.999.392.161
+ Công ty TNHH điện Xekaman 3	22.359.308.483	22.359.308.483
+ Công ty CP Sông Đà 2	60.000.000	60.000.000
+ Công ty CP Sông Đà 3	580.083.678	580.083.678
- Trả trước của các đơn vị khác	112.161.076.424	284.705.872.741
+ Liên danh CMC/ITD/SONGDA	-	276.795.003.900
+ Ban Quản lý dự án Điện 3	94.484.413.766	-
+ Ban Quản lý dự án Thủy điện 2	9.756.674.577	-
+ Phí ủy thác đầu tư	7.493.353.000	7.493.353.000
+ Các đối tượng khác	426.635.081	417.515.841
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>135.160.468.585</b>	<b>307.705.264.902</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>350.879.631.779</b>	<b>348.131.228.267</b>
- Chi phí lãi vay	18.153.704.042	20.530.551.317
- Chi phí công trình xây dựng	85.146.177.640	84.454.304.433
- Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	247.579.750.097	243.146.372.517
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>350.879.631.779</b>	<b>348.131.228.267</b>

**17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>15.723.194.381</b>	<b>29.893.855.531</b>
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.339.810.476	20.157.841.625
- Doanh thu cho thuê văn phòng	12.383.383.905	9.736.013.906
<b>b) Dài hạn</b>	<b>129.113.986.616</b>	<b>132.949.055.524</b>
- Doanh thu cho thuê văn phòng	129.113.986.616	132.949.055.524
<b>Cộng</b>	<b>144.837.180.997</b>	<b>162.842.911.055</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>998.521.052.174</b>	<b>830.312.120.420</b>
- Phải trả các bên liên quan	201.791.363.282	208.821.849.287
+ Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	70.539.846	70.539.846
+ Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	186.231.819.482	186.231.819.482
+ Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	39.069.000	39.069.000
+ Công ty CP Sông Đà 2	-	3.005.946.005
+ Công ty CP Sông Đà 3	965.466.764	965.466.764
+ Công ty CP Sông Đà 6	4.515.237.846	4.515.237.846
+ Công ty CP Sông Đà 10	5.555.132.073	9.579.672.073
+ Công ty TNHH điện Xekaman 3	4.414.098.271	4.414.098.271
- Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	796.729.688.892	621.490.271.133
<b>b) Dài hạn</b>	<b>79.948.399.610</b>	<b>77.029.775.222</b>
- Phải trả các bên liên quan	6.000.000.000	6.000.000.000
+ Nhận vốn từ Công ty CP Sông Đà 2 để đầu tư ủy thác vào Công ty CP Thủy điện Đăkrink	600.000.000	600.000.000
+ Nhận vốn từ Công ty CP Sông Đà 10 để đầu tư ủy thác vào Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Nhận vốn từ Công ty CP Tư vấn Sông Đà để đầu tư ủy thác vào Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	2.400.000.000	2.400.000.000
- Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	73.948.399.610	71.029.775.222
+ Phải trả người ủy thác đầu tư	54.292.860.000	54.292.860.000
+ Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	19.655.539.610	16.736.915.222
<b>Cộng</b>	<b>1.078.469.451.784</b>	<b>907.341.895.642</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC****Thuế và các khoản phải nộp**

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Các loại thuế khác
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

**Cộng**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
	-	7.907.737.866	7.534.122.687	373.615.179
	2.266.842.642	78.293.776.585	10.418.250.230	70.142.368.997
	1.005.998.051	3.933.660.558	4.471.104.941	468.553.668
	121.385.634	12.000.000	12.000.000	121.385.634
	8.494.501	-	-	8.494.501
	<b>3.402.720.828</b>	<b>90.147.175.009</b>	<b>22.435.477.858</b>	<b>71.114.417.979</b>

**Thuế và các khoản phải thu**

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất

**Cộng**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
	140.873.636	140.873.636	-	-
	-	4.345.755.590	7.457.054.477	3.111.298.887
	<b>140.873.636</b>	<b>4.486.629.226</b>	<b>7.457.054.477</b>	<b>3.111.298.887</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	2.036.660.664.344	2.036.660.664.344	393.700.012.444	181.285.183.337	1.824.245.835.237	1.824.245.835.237
Vay ngắn hạn các cá nhân	252.888.819	252.888.819	-	-	252.888.819	252.888.819
Vay dài hạn đến hạn trả	2.036.407.775.525	2.036.407.775.525	393.700.012.444	181.285.183.337	1.823.992.946.418	1.823.992.946.418
- Ngân hàng NIB	523.259.843.726	523.259.843.726	76.108.262.065	88.407.905.883	535.559.487.544	535.559.487.544
- Quỹ tích lũy nợ Bộ Tài chính	1.133.605.996.709	1.133.605.996.709	158.444.882.511	-	975.161.114.198	975.161.114.198
- Ngân hàng Phát triển Châu Á - Vay thông thường	375.915.097.590	375.915.097.590	155.424.606.944	89.273.352.959	309.763.843.605	309.763.843.605
- Ngân hàng Phát triển Châu Á - Vay đặc biệt	3.626.837.500	3.626.837.500	3.722.260.924	3.603.924.495	3.508.501.071	3.508.501.071
<b>b) Vay dài hạn</b>	1.938.185.027.003	1.938.185.027.003	68.485.486.671	149.617.850.848	2.019.317.391.180	2.019.317.391.180
Vay dài hạn ngân hàng	1.934.979.027.003	1.934.979.027.003	65.279.486.671	149.617.850.848	2.019.317.391.180	2.019.317.391.180
- Ngân hàng Phát triển Châu Á - Vay thông thường	1.873.141.135.852	1.873.141.135.852	63.229.447.555	145.990.994.093	1.955.902.682.390	1.955.902.682.390
- Ngân hàng Phát triển Châu Á - Vay đặc biệt	61.837.891.151	61.837.891.151	2.050.039.116	3.626.856.755	63.414.708.790	63.414.708.790
<b>Nợ thuê tài chính</b>	3.206.000.000	3.206.000.000	3.206.000.000	-	-	-
- Nợ dài hạn	3.206.000.000	3.206.000.000	3.206.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	3.974.845.691.347	3.974.845.691.347	462.185.499.115	330.903.034.185	3.843.563.226.417	3.843.563.226.417





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**21.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Vốn góp của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	4.485.961.120.000	4.485.961.120.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	9.410.000.000	9.410.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.495.371.120.000</b>	<b>4.495.371.120.000</b>

**21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Vốn góp đầu năm	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- <b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>449.537.112.000</b>	<b>449.537.112.000</b>

**21.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	449.537.112	449.537.112
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	449.537.112	449.537.112
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	449.537.112	449.537.112
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	449.537.112	449.537.112
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2025	01/01/2025
<b>Ngoại tệ các loại:</b>		
Dollar Mỹ (USD)	6.900.361,13	11.510.864,48

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	45.493.619.260	133.903.832.782
- Doanh thu bán điện	353.920.634.568	333.063.431.754
- Doanh thu cho thuê văn phòng	106.339.291.123	114.006.583.442
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	16.122.685.051	14.993.200.557
<b>Cộng</b>	<b>521.876.230.002</b>	<b>595.967.048.535</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	29.431.072.848	124.038.570.528
- Giá vốn kinh doanh điện	353.920.634.568	333.063.431.754
- Giá vốn cho thuê văn phòng	64.200.317.813	62.849.881.400
- Giá vốn dịch vụ khác	2.353.220.865	1.288.589.825
<b>Cộng</b>	<b>449.905.246.094</b>	<b>521.240.473.507</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	289.395.800.546	279.349.332.939
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	678.493.265.796	511.635.468.400
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	65.320.666	-
<b>Cộng</b>	<b>967.954.387.008</b>	<b>790.984.801.339</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	204.143.953.149	228.220.568.578
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã phát sinh trong năm	10.563.706	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	24.107.286.160	16.719.838.240
- Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	522.067.460.409	123.975.939.074
- Phí lưu ký chứng khoán	1.065.206.879	556.141.132
<b>Cộng</b>	<b>751.394.470.303</b>	<b>369.472.487.024</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	203.837.171	-
- Tiền đặt cọc thuê văn phòng chấm dứt trước hạn	2.106.051.845	3.529.920.085
- Lợi nhuận được chia tại Công trình Thủy điện Nam Theun 1	276.769.616.354	-
- Các khoản khác	5.837.346	-
<b>Cộng</b>	<b>279.085.342.716</b>	<b>3.529.920.085</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	39.733.317.115	29.572.815.094
- Chi phí vật liệu quản lý	187.987.394	240.474.770
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.477.930.787	542.853.332
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.274.482.371	2.214.011.211
- Thuế, phí và lệ phí	2.611.662.496	1.877.226.671
- Chi phí dự phòng	(149.210.670.580)	(45.462.758.968)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.465.984.661	9.562.599.442
- Chi phí bằng tiền khác	23.404.066.782	16.638.082.480
<b>Cộng</b>	<b>(68.055.238.974)</b>	<b>15.185.304.032</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>635.663.489.035</b>	<b>484.580.838.276</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>543.632.811.921</b>	<b>7.614.771.394</b>
- Các khoản chi phí không hợp lý khác	19.631.736.252	7.614.771.394
- Các khoản trích lập dự phòng	524.001.075.669	-
<b>Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN</b>	<b>678.493.265.796</b>	<b>511.635.468.400</b>
- Cổ tức lợi nhuận được chia	678.493.265.796	511.635.468.400
<b>Các khoản điều chỉnh tăng chi phí được trừ</b>	<b>2.120.094.440</b>	<b>87.774.199.066</b>
- Chi phí tái cấu trúc đã nộp thuế năm 2022	2.120.094.440	2.120.093.889
- Hoàn nhập dự phòng các khoản nợ	-	85.654.105.177
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>498.682.940.720</b>	<b>(107.214.057.796)</b>
<b>Chuyển lỗ từ các năm trước</b>	<b>(11.952.214.465)</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>486.730.726.255</b>	<b>(107.214.057.796)</b>
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>97.346.145.251</b>	<b>-</b>
<b>Dự phòng đầu tư tài chính trích trước khi bàn giao Nhà máy Thủy điện Cần Đơn</b>	<b>-</b>	<b>95.261.843.331</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>97.346.145.251</b>	<b>19.052.368.666</b>
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	19.052.368.666	-
<b>Tổng chi phí thuế hiện hành</b>	<b>78.293.776.585</b>	<b>19.052.368.666</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
(Tài sản)/ Nợ phải trả thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(521.880.981.229)	(93.141.748.890)
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(104.376.196.246)</b>	<b>(18.628.349.778)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Tổng Công ty không trình bày chi tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**32. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TRONG TƯƠNG LAI**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi cho vay nhập gốc	64.275.595.450	49.899.089.169
- Thu hồi tiền cho vay bằng bù trừ công nợ	6.236.166.336	5.206.674.296
<b>Cộng</b>	<b>70.511.761.786</b>	<b>55.105.763.465</b>

**33. BÁO CÁO BỘ PHẬN****33.1 THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện thương phẩm;
- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng công trình;
- Lĩnh vực khác: Dịch vụ khác, bất động sản, hàng hóa,...

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng công ty.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTEP**

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

**Năm 2025**

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

**Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

**Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp**

**Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác**

**Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn**

**TÀI SẢN**

**Số tại 31/12/2025**

Tài sản trực tiếp của bộ phận

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận

**Tổng tài sản**

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

**Tổng nợ phải trả**

	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
	45.493.619.260	353.920.634.568	122.461.976.174	521.876.230.002
	<b>45.493.619.260</b>	<b>353.920.634.568</b>	<b>122.461.976.174</b>	<b>521.876.230.002</b>
	16.062.546.412	-	55.908.437.496	71.970.983.908
				68.055.238.974
				140.026.222.882
				967.954.387.008
				(751.394.470.303)
				279.085.342.716
				(7.993.268)
				(78.293.776.585)
				104.376.196.246
				<b>661.745.908.696</b>
			<b>888.975.889</b>	<b>888.975.889</b>
	<b>2.257.847.962</b>	<b>-</b>	<b>31.871.214.973</b>	<b>34.129.062.935</b>
	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
	2.839.313.699.750	20.177.732.867	698.852.122.607	3.558.343.555.224
				9.857.560.833.290
				<b>13.415.904.388.514</b>
	6.235.961.090.247	738.320.125.170	189.568.913.227	7.163.850.128.644
				357.219.309.480
				<b>7.521.069.438.124</b>



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2024

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế TNDN

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

TÀI SẢN

Số tại 31/12/2024

Tài sản trực tiếp của bộ phận

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận

Tổng tài sản

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

Tổng nợ phải trả

	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
	133.903.832.782	333.063.431.754	128.999.783.999	595.967.048.535
	133.903.832.782	333.063.431.754	128.999.783.999	595.967.048.535
	9.865.262.254	-	64.861.312.774	74.726.575.028
				(15.185.304.032)
				59.541.270.996
				790.984.801.339
				(369.472.487.024)
				3.529.920.085
				(2.667.120)
				(19.052.368.666)
				18.628.349.778
				484.156.819.388
			220.653.637	220.653.637
	2.214.011.211	-	31.926.801.000	34.140.812.211
	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
	1.169.752.818.395	69.559.081.310	718.296.773.116	1.957.608.672.821
				11.173.183.225.784
				13.130.791.898.605
	6.155.189.937.988	745.913.208.813	196.050.958.435	7.097.154.105.236
				339.417.597.675
				7.436.571.702.911

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****33.2 THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Khu vực trong nước	505.058.198.852	587.763.218.773
Khu vực nước ngoài	16.818.031.150	8.203.829.762
<b>Cộng</b>	<b>521.876.230.002</b>	<b>595.967.048.535</b>

**34. THÔNG TIN KHÁC****34.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Sông Đà 3	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 4	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 5	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 6	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 9	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 10	Công ty con
Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con
Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con
Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	Công ty con
Công ty CP Tư vấn Sông Đà	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 2	Công ty liên kết
Công ty CP Sông Đà 12	Công ty liên kết
Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty CP Điện Việt Lào	Công ty liên kết
Công ty CP BOT Quốc lộ 2	Công ty liên kết
Công ty CP Phát triển Nhà Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Công ty liên kết
Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	Công ty liên kết



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****34.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và các công ty con và công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	254.242.904	240.354.142
Cổ tức đã nhận	244.906	-
<b>Công ty CP Thủy điện Cần Đơn</b>		
Chi phí giá vốn	353.920.634.568	333.063.431.754
Lãi cho vay	5.453.614.182	6.619.673.076
Cổ tức đã nhận	58.015.742.400	63.289.900.800
<b>Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A</b>		
Cổ tức phải thu	49.980.000.000	21.776.000.000
Cổ tức đã nhận	71.756.000.000	31.060.000.000
<b>Công ty CP Sông Đà 4</b>		
Chi phí Công trình	-	35.486.882.080
Doanh thu phí bảo lãnh	102.013.328	100.796.266
Lãi cho vay	5.453.614.182	4.140.794.187
<b>Công ty CP Sông Đà 5</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.971.655.300	1.117.977.353
Chi phí giá vốn	-	1.476.302.921
Cổ tức đã nhận	11.677.176.000	10.009.008.000
<b>Công ty CP Sông Đà 6</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.438.404.473	-
Chi phí Công trình	-	9.353.936.630
<b>Công ty CP Sông Đà 9</b>		
Chi phí giá vốn công trình	-	17.710.030.886
<b>Công ty CP Sông Đà 10</b>		
Doanh thu khối lượng xây lắp phải thu	1.198.467.273	-
Doanh thu phí bảo lãnh	2.278.880.926	307.703.646
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.431.533.780	1.417.897.416
Chi phí giá vốn	2.864.965.508	54.910.416.990
<b>Công ty CP Tư vấn Sông Đà</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	601.827.624	575.837.807
Cổ tức đã nhận	665.550.000	-
Cổ tức phải thu	-	665.550.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****34.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<i>Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	185.701.624	230.694.087
<i>Công ty CP Điện Việt Lào</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	815.497.400	1.072.890.763
Lãi cho vay	49.764.648.334	49.899.089.169
Cổ tức đã nhận	553.268.491.090	384.300.808.000
<i>Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	214.750.226	367.090.960
<i>Công ty TNHH Điện Xekaman 1</i>		
Doanh thu khối lượng công trình	7.974.282.734	3.461.758.746

Thu nhập của nhân sự chủ chốt trong năm như sau:

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<i>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</i>			
<b>Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc</b>		<b>3.821.634.765</b>	<b>4.399.639.280</b>
Ông Trần Văn Tuấn	Chủ tịch	1.297.182.897	1.466.367.419
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	996.812.943	851.533.033
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	58.888.887	38.666.668
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	71.059.257	81.066.668
<i>(Bổ nhiệm ngày 24/05/2024)</i>			
Ông Trần Anh Đức	Tổng Giám đốc	1.146.836.751	876.458.232
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	250.854.030	509.380.836
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	-	576.166.424
<i>(Từ nhiệm ngày 19/04/2024)</i>			
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>1.629.148.392</b>	<b>1.493.611.228</b>
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng ban	996.812.943	851.533.033
Ông Hà Tuấn Linh	Thành viên	573.446.562	603.411.527
Ông Tống Quang Vinh	Thành viên	58.888.887	38.666.668
<b>Cộng</b>		<b>5.450.783.157</b>	<b>5.893.250.508</b>

**34.2 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tổng Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Tổng Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)*

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**34.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**Người lập biểu**



**Trịnh Thị Anh Đào**

**Kế toán trưởng**



**Vũ Đức Quang**

**Tổng Giám đốc**



**Trần Anh Đức**

**TỜ TRÌNH**  
**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**  
V/v: thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP**

***Căn cứ:***

- Luật doanh nghiệp năm 2020.
- Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP.
- Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.
- Nghị quyết số 20/TCT-HĐQT ngày 03/3/2026 thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Tổng công ty Sông Đà – CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận như sau:

**I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025**

1. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2024: 6.077.338.027, đồng
2. Lợi nhuận sau thuế năm 2025: 661.745.908.696, đồng
3. Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi:  
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*tạm tính*): 11.947.000.000, đồng.  
Giao Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm và rà soát để trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 3 tháng tiền lương thực hiện năm 2025 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 12% vốn điều lệ:
  - Vốn điều lệ: 4.495.371.120.000, đồng
  - Lợi nhuận chia cổ tức: 539.444.534.400, đồng (Năm trăm ba mươi chín tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn, bốn trăm đồng chẵn).
5. Dự kiến lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2025 là 116.431.712.323, đồng.

**II. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2026**

1. Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026 và dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh để quyết định mức tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2026.



2. Mức chia cổ tức bằng tiền năm 2026 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027 quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- TV HĐQT; BKS TCT;
- Lưu: VP TCT, TCKT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Tuấn**

**TỔNG CÔNG TY  
SÔNG ĐÀ-CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /TCT-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TCT SÔNG ĐÀ - CTCP**  
V/v quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2025;  
Kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2026

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Sông Đà-CTCP;
- Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 của TCT Sông Đà - CTCP;

TCT Sông Đà - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2025; Kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2026 như sau:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT Sông Đà - CTCP phê duyệt quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2025; Lập, phê duyệt kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2026 đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT; BKS TCT;
- Lưu: VP TCT, TCKT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Tuấn**





**TỔNG CÔNG TY  
SÔNG ĐÀ-CTCP**

Số: 06 /TCT- BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

**TỜ TRÌNH CỦA BKS TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

V/v: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP**

**Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp năm 2020.
- Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.
- Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP;
- Các Quyết định của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;

Để đảm bảo yêu cầu về chất lượng báo cáo và tiến độ công khai báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Sông Đà - CTCP thông qua:

1. Danh sách 04 (bốn) Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

2. Ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty lựa chọn một trong những đơn vị kiểm toán thuộc danh sách trên được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV BKS;
- Lưu: VP TCT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Văn Thắng**

**TỔNG CÔNG TY  
SÔNG ĐÀ-CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07 /TCT-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Về việc Thông qua Điều lệ sửa đổi của Tổng công ty Sông Đà - CTCP

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam,

Tổng công ty Sông Đà - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua Điều lệ của Tổng công ty Sông Đà - CTCP sửa đổi phù hợp với Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

*(Có chi tiết kèm theo)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét, thông qua. ✓

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS TCT;
- Lưu VP TCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Tuấn**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

---



**ĐIỀU LỆ**  
**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ – CTCP**

**HÀ NỘI, THÁNG ...NĂM 2026**

## MỤC LỤC

### PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY .....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty .....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty .....	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY .....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty .....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty .....	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	11
Điều 11. Quyền của cổ đông .....	11
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông .....	13
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông .....	14
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	16
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 16. Thay đổi các quyền .....	18
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông .....	19
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....	24



Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	24
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	26
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	27
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>27</b>
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	27
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	28
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	29
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	31
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	31
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	32
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	34
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty .....	34
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>35</b>
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý .....	35
Điều 33. Người điều hành Tổng công ty .....	35
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc .....	35
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>36</b>
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) .....	36
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát .....	37
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát .....	37
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	38
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	39
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát .....	39
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>39</b>
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	39
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	41
<b>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>41</b>
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ .....	41
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN, TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>42</b>
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn .....	42

Điều 45. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty.....	42
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	42
Điều 46. Phân phối lợi nhuận .....	43
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....	43
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	43
Điều 48. Năm tài chính.....	44
Điều 49. Chế độ kế toán .....	44
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	44
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý .....	44
Điều 51. Báo cáo thường niên .....	44
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY .....	45
Điều 52. Kiểm toán.....	45
XVII.DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	45
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	45
XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY .....	45
Điều 54. Giải thể Tổng công ty .....	45
Điều 55. Thanh lý .....	45
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	46
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....	47
Điều 57. Điều lệ Tổng công ty .....	47
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	47
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	47



## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/ĐHĐCĐ-TCT ngày 24 tháng 4 năm 2026.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Tổng công ty Sông Đà - CTCP và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các quy định sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các quy định sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Tổng công ty Sông Đà - CTCP được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty Sông Đà - CTCP;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Tổng công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty**

1. Tên doanh nghiệp

a) Tên viết bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ – CTCP

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt: SÔNG ĐÀ

c) Tên viết bằng tiếng Anh: SONG DA CORPORATION – JSC

d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: SONG DA

2. Tổng công ty Sông Đà – CTCP là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:

a) Địa chỉ trụ sở chính: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

b) Điện thoại: (84-24) 38541164, (84-24) 38543805, (84-24) 38542578.

c) Fax: (84-24) 38541161.

d) E-mail: [banbientap@songda.vn](mailto:banbientap@songda.vn)

e) Website: <http://www.songda.vn>

4. Biểu tượng (Logo): là các nhãn hiệu hàng hóa của Tổng công ty được Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ bảo hộ tại:

a. Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số: 60204 cấp theo Quyết định số A1024/QĐ – đăng ký ngày 16/2/2005.

b. Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số: 66123 cấp theo Quyết định số A9292/QĐ - đăng ký ngày 24/8/2005.



c. Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số: 66124 cấp theo Quyết định số A9293/QĐ - đăng ký ngày 24/8/2005.

d. Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số: 66125 cấp theo Quyết định số A9294/QĐ - đăng ký ngày 24/8/2005.

e. Và các Quyết định hiệu chỉnh bổ sung kèm theo đã hoặc sẽ ban hành bởi Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ khoa học và Công nghệ .



5. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty**

Tổng công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc Tổng công ty.

## **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng Công trình kỹ thuật dân dụng khác:	429
	- Xây dựng công trình thủy;	4291
	- Xây dựng công trình khai khoáng;	4292
	- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;	4293
	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.	4299
2	Xây dựng nhà các loại:	410
	- Xây dựng nhà để ở;	4101
	- Xây dựng nhà không để ở.	4102

3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ:	421
	- Xây dựng công trình đường sắt;	4211
	- Xây dựng công trình đường bộ.	4212
4	Xây dựng công trình công ích:	422
	- Xây dựng công trình điện;	4221
	- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;	4222
	- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;	4223
	- Xây dựng công trình công ích khác.	4229
5	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện:	351
	- Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo.	3511
	- Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo.	3512
	- Truyền tải và phân phối điện.	3513
6	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.	2392
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4673
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810
10	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
11	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).	3315
12	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.	7110
13	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật:	721
	- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ.	7212
16	Giáo dục nghề nghiệp:	853
	- Đào tạo sơ cấp;	8531
	- Đào tạo trung cấp.	8532
17	Cung ứng lao động tạm thời và nguồn nhân lực khác	782



	- Cung ứng lao động tạm thời.	7821
	- Cung ứng nguồn nhân lực khác.	7822
18	Đại lý lữ hành	7911
19	Điều hành tua du lịch	7912
20	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự.	5510
21	Phá dỡ.	4311
22	Chuẩn bị mặt bằng.	4312
23	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.	4679
24	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu.	0899
25	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
26	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.	3600

## 2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty:

- a) Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông và người lao động;
- b) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư vào Tổng công ty;
- c) Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
- d) Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của cả nước, hoàn thành các nghĩa vụ của Tổng công ty đối với Nhà nước theo quy định pháp luật;
- e) Hoàn thành các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.

## **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty**

Tổng công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Tổng công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

## **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là: **4.495.371.120.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn nghìn bốn trăm chín mươi lăm tỷ ba trăm bảy mươi một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành: **449.537.112 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi người lao động được mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Tổng công ty cổ phần, không có cổ đông sáng lập. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu và sổ đăng ký cổ đông**

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ



đồng đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Tổng công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại Điều 122 Luật Doanh nghiệp.

6. Tổng công ty đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

### **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 11. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện

quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;

h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu



khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4. Tổ chức là cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP có sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 11 (mười một) người đại diện theo ủy quyền.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua

lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày



kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.



2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

Các vấn đề nêu tại Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua tại cuộc họp cổ đông thường niên. Các vấn đề còn lại theo quy định tại Khoản 2 Điều này được thông qua tại cuộc họp cổ đông thường niên hoặc bất thường.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu



quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;



b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

### **Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.



5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;



c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;



h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của

Tổng công ty cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e) Số lượng cổ phần của Tổng công ty mà ứng viên đang sở hữu (sở hữu trực tiếp hoặc sở hữu theo ủy quyền);
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định pháp luật;
- g) Tổng công ty Sông Đà - CTCP phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

## **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là (năm) 05 người.



2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty Sông Đà – CTCP không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty Sông Đà – CTCP phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị kể từ thời điểm bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

### **Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập Tổng công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số



điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

## **Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;



b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử

hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị để thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá, tư vấn và đưa ra các khuyến nghị. Số lượng thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và Hội đồng quản trị Tổng công ty.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;



d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 33. Người điều hành Tổng công ty**

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê

người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử



thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của Tổng công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.



10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

### **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

### **Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên



quan.

## **Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền

này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN, TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG TỔNG CÔNG TY.**

### **Điều 44. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **Điều 45. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của từng tổ chức đó phù hợp với quy định pháp luật.

3. Tổng công ty tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia hoạt



động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

### **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 46. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán

thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

#### **Điều 48. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

#### **Điều 49. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 51. Báo cáo thường niên**

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



## **XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 52. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

## **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 53. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 54. Giải thể Tổng công ty**

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 54. Thanh lý**

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải

thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Tổng công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian



hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 57. Điều lệ Tổng công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 58. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

